

2

0

1

3



Sức mạnh đổi mới
Báo cáo thường niên



Sức mạnh đổi mới

Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi	04	BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT	46
THÔNG điệp CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	06	Công tác quản trị rủi ro	48
Quá trình hình thành phát triển	08	Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD, BKS	48
MỤC TIÊU KINH DOANH VÀ CHIẾN LƯỢC	10	Thông tin cổ phiếu và cổ đông	49
Sơ đồ tổ chức	12	Công tác quan hệ nhà đầu tư (IR)	54
Tổ chức và nhân sự	15	Công tác đoàn thể và các hoạt động khác	55
Thông tin thành viên HĐQT, Ban TGD, Ban KS, Kế toán trưởng	16	Các giải thưởng và công tác phát triển thương hiệu	56
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	24	BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	59
BÁO CÁO TỔNG GIÁM ĐỐC	34	BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	73
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	42	Danh sách các Công ty con, liên doanh liên kết	126

SỨ MỆNH

TÂM NHÌN

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Nhà cung cấp dịch vụ tốt nhất luôn hướng mọi hoạt động của Công ty nhằm phục vụ sự thỏa mãn của khách hàng.

“Thỏa mãn khách hàng là hạnh phúc chính mình.”

Trở thành Công ty đầu tư chuyên ngành dịch vụ hàng đầu tại Việt Nam, hội nhập Khu vực và Quốc tế.

SAVICO địa chỉ tin cậy của các cổ đông và nhà đầu tư, nơi kết nối, gia tăng các lợi ích của khách hàng, cổ đông, người lao động, và cộng đồng xã hội trên nền tảng văn hóa SAVICO.

Tôn trọng, lắng nghe và xem lợi ích của khách hàng, đối tác, cổ đông là lợi ích của chính mình.

Đoàn kết, vượt qua thách thức; Tự đổi mới, đón đầu cơ hội, gặt hái thành công.

THÔNG điệp CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“*Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 đã tiếp tục khẳng định việc điều chỉnh chiến lược kinh doanh của Hội đồng quản trị là phù hợp*”

Kính thưa Quý Cổ đông, Nhà đầu tư và Khách hàng!

Trong gần 3 năm qua, tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự kiến. Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu được đánh giá là trầm trọng nhất. Trong nước, những hạn chế yếu kém vốn có của nền kinh tế cùng với mặt trái của chính sách hỗ trợ tăng trưởng đã làm cho lạm phát tăng cao, ảnh hưởng nghiêm trọng đến ổn định kinh tế vĩ mô và sức cạnh tranh nền kinh tế còn thấp trong điều kiện hội nhập sâu, rộng, ... đã tác động toàn bộ 3 lĩnh vực Công ty: dịch vụ thương mại, dịch vụ bất động sản và dịch vụ tài chính.

Năm 2013, Công ty ghi nhận sự hồi phục của thị trường ô tô với mức tăng 20%. Song lĩnh vực xe gắn máy được đánh giá là một năm khó khăn chưa từng có, hầu hết các đơn vị kinh doanh đều bị thua lỗ. Tuy nhiên, với kinh nghiệm về ứng phó của 3 năm trước (2010 – 2012), ngay từ đầu năm nhằm chủ động với biến động của thị trường, Hội đồng quản trị đã định hướng và chỉ đạo Ban điều hành, cán bộ quản lý chủ chốt của toàn hệ thống tập trung triển khai nhiều giải pháp trọng tâm và phù hợp: (1) tăng cường công tác dự báo thị trường hàng quý, kịp thời chia sẻ thông tin nhằm giúp các đơn vị chủ động trong công tác đặt hàng, kiểm soát và quản lý chặt chẽ hàng tồn kho nhằm giảm áp lực chi phí tài chính, phân bổ định mức và quản lý chi phí hợp lý giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh; (2) đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm, các thủ tục pháp lý, cắt giảm tổng tài sản của lĩnh vực bất động sản và các dự án chịu lãi vay lớn đã góp phần tạo dòng tiền và lợi nhuận theo đúng kế hoạch; (3) Tập trung cơ cấu lại tài sản và nguồn vốn, sắp xếp và thu hẹp lại quy mô hoạt động của các đơn vị chưa hiệu quả, thanh khoản bớt các danh mục đầu tư, gia tăng việc kiểm soát nguồn vốn và dòng tiền đã phần nào đáp ứng được nguồn vốn cho các hoạt động kinh doanh... Kết thúc năm tài chính 2013, tổng doanh thu toàn hệ thống đạt 8.711 tỷ đồng, tổng doanh thu theo báo cáo hợp nhất là 6.595 tỷ đồng đạt 109,93% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế toàn hệ thống đạt 110,593 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế theo báo cáo hợp nhất là 84,71 tỷ đồng đạt 121,02% kế hoạch.

Kết quả trên đã tiếp tục khẳng định việc điều chỉnh chiến lược kinh doanh của Hội đồng quản trị là phù hợp, đó là: tập trung nguồn lực để phát triển và mở rộng hệ thống phân phối ô tô, tái cấu trúc phù hợp ngành xe gắn máy, cắt giảm danh mục đầu tư bất động sản, thanh khoản toàn bộ danh mục đầu tư tài chính bên ngoài, cùng với việc tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh 2015 – 2020, quản trị nguồn nhân lực, tăng cường công tác dự báo phòng ngừa rủi ro. Qua đó, khẳng định hệ thống SAVICO đã vượt qua những khó khăn và đang tập trung mọi nguồn lực để tiếp tục phát triển mạnh trong giai đoạn 2015 – 2020.

Với mục tiêu tái cấu trúc để phát triển, Hội đồng quản trị xây dựng các chương trình hành động trọng tâm trong năm 2014 như sau: (i) Tập trung đầu tư, tăng quy mô, mở rộng thị phần cho lĩnh vực kinh doanh chính; (ii) Xây dựng hoàn thiện chiến lược kinh doanh 2015 – 2020; (iii) củng cố, tái cấu trúc các doanh nghiệp trong hệ thống và hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng, vận hành hệ thống quy định nội bộ của doanh nghiệp; (iv) Đào tạo, bồi dưỡng, chăm lo và phát triển nguồn nhân lực; (v) Nâng cao văn hoá doanh nghiệp để kết nối và cộng hưởng cho toàn hệ thống.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng đã luôn tin tưởng, đồng hành cùng Công ty trong suốt thời gian qua và xin hứa sẽ cùng Ban điều hành cũng như toàn thể cán bộ nhân viên toàn hệ thống quyết tâm thực hiện hoàn thành kế hoạch kinh doanh 2014 được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Qua đây, tôi cũng hy vọng tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng để xây dựng SAVICO trở thành một khối đoàn kết, thống nhất và vững mạnh; Đưa SAVICO không ngừng phát triển, nâng cao hơn nữa cả về hình ảnh và chất lượng hoạt động, xứng đáng với niềm tự hào về thương hiệu SAVICO mà chúng ta đã cùng nhau gây dựng cho đến ngày hôm nay.

Xin chân thành cảm ơn.



NGUYỄN VĨNH THỌ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

1982 - 1985 KHỞI NGHIỆP

Năm 1982 cả nước hoạt động trong nền kinh tế bao cấp, Quận 1 đã đề xuất ý tưởng phát triển ngành kinh tế dịch vụ như một mô hình thí điểm. Đề án ấy đã được ủng hộ và Công ty Dịch vụ Quận 1, tiền thân của Công ty cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) được thành lập. Với vị trí Trung tâm của Quận 1, TP. HCM, có nhiều cửa hàng hoạt động dịch vụ như may đo, giặt ủi, uốn tóc, giày da, sửa chữa xe, dịch vụ giữ xe, dịch vụ văn phòng, sửa chữa điện lạnh, điện tử... nằm rải rác trên địa bàn quận; Theo chủ trương của thành phố lúc ấy, những cơ sở này đòi hỏi phải được tổ chức, tập hợp lại để quản lý chuyên sâu theo ngành nhằm tận dụng tay nghề của các hộ tư nhân thông qua phương thức hợp tác kinh doanh. Ngày thành lập với 07 điểm kinh doanh phục vụ. Đến năm 1985 khi thành phố tiến hành công tác cải tạo ngành công thương nghiệp; SAVICO cũng đã tập hợp và phát triển 90 cửa hàng và 140 điểm kinh doanh phục vụ, 127 điểm giữ xe hai bánh... Chủ trương này đã góp phần mang lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty, tạo việc làm cho người lao động và đóng góp đáng kể vào ngân sách nhà nước, minh chứng cho sự phát triển tất yếu của ngành kinh tế dịch vụ.

1986 - 1997 XÂY DỰNG NỀN MÓNG

Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ 6 như một luồng gió mới thổi vào nền kinh tế của đất nước mà trong đó ngành kinh tế dịch vụ được tạo thêm sức mạnh để đột phá phát triển. Năm 1990, nền kinh tế xã hội được chuyển từ chế độ kinh tế tập trung sang kinh tế thị trường; Tình hình kinh tế lúc ấy tiếp tục diễn biến phức tạp và đầy khó khăn bởi sự đổ vỡ hàng loạt của các Hợp tác xã tín dụng... Trong bối cảnh đó, Công ty tập trung vào công tác quản lý, tìm mọi cách xoay sở, duy trì các hoạt động sản có, mở rộng một số lĩnh vực hoạt động mới, tạo tiền đề để phát triển.

Năm 1991 mạng lưới Công ty được chính thức định hình và phát triển; Ngoài Tổng đại lý xe gắn máy Vindo Motor được

thành lập 1990; SAVICO triển khai bán hàng cho các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới; Đặc biệt tham gia vào lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu. Đây cũng chính là tiền đề dẫn đến sự hình thành mô hình kinh doanh dịch vụ gắn với thương mại. Đồng thời đầu tư vốn, mở rộng ngành hàng, liên kết các đơn vị kinh tế khác góp vốn kinh doanh, khai thác thị trường trong và ngoài nước để tiêu thụ và cung ứng hàng xuất nhập khẩu. Bằng chính hoạt động này Công ty đã có thể cân đối việc thanh toán lại trị giá hàng đại lý cho nước ngoài và mang lại lợi nhuận cho Công ty.

Năm 1992, Công ty Dịch vụ Quận 1 được đổi tên thành Công ty Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn theo quyết định 17/QĐ-UB ngày 29/9/1992 của UBND TP HCM. Trong thời điểm này Công ty vẫn xác định loại hình kinh tế dịch vụ chiếm một vị trí quan trọng, tất yếu trong nền kinh tế của đất nước. Từ đó SAVICO lấy hoạt động dịch vụ làm nền tảng cho tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mở rộng các hoạt động như dịch vụ địa ốc, lắp ráp và kinh doanh xe gắn máy, phân phối ô tô, khai thác dịch vụ du lịch, Taxi... Đặc biệt, SAVICO đã mạnh dạn áp dụng phương thức bán xe trả góp cho người tiêu dùng, đây là một bước đột phá mới vào thời điểm ấy đã mang lại cho Công ty một hiệu quả nhất định... Quy mô hoạt động của Công ty vượt khỏi phạm vi Tp.HCM và hình thành các Trung tâm thương mại, các Chi nhánh, văn phòng tại các thành phố như Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ cùng với các đại lý có mặt trong cả nước. SAVICO là đơn vị đầu tiên kinh doanh xe ô tô theo cơ chế thị trường tại Việt Nam. Nhiều tập đoàn lớn của nước ngoài đã tín nhiệm và chọn SAVICO làm đại lý phân phối sản phẩm như Toyota, Suzuki, Peugeot, Opel, Daihatsu và Công ty đã tận dụng thế mạnh của từng đối tác, tiếp thu được công nghệ lẫn phong cách quản lý tiên tiến. Đặc biệt năm 1996 Công ty đã ký hợp đồng đại lý độc quyền phân phối xe gắn máy Suzuki tại vùng thị trường 19 tỉnh thành phía nam, tập trung, tổ chức kinh doanh mặt hàng xe gắn máy nhãn hiệu Suzuki... cùng với sản phẩm gia dụng của các thương hiệu như Toshiba, Minolta, Seiko...

Năm 1997 SAVICO chính thức là Công ty thành viên của Tổng Công ty Bến Thành.

1998 - 2004 TẠO ĐÀ PHÁT TRIỂN

SAVICO tập trung chuyển hướng dẫn hoạt động sang mô hình Công ty đầu tư, tiếp tục phát triển các loại hình dịch vụ thương mại, đầu tư và tham gia quản lý vào những ngành dịch vụ then chốt như ngân hàng, dịch vụ bưu chính viễn thông... Bên cạnh đó, SAVICO đã đẩy nhanh tiến độ đầu tư khai thác các dự án bất động sản có vị trí thuận lợi ngay tại Trung tâm thành phố, tạo được sự quan tâm của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đặc biệt, Công ty đã xây dựng và phát triển các chuỗi đại lý phân phối sản phẩm uy tín như:

- Hệ thống phân phối ô tô: Toyota, Ford, GM Daewoo.
- Hệ thống phân phối xe gắn máy Suzuki...
- Đại lý phân phối sản phẩm dịch vụ viễn thông...

Qua từng chặng đường hoạt động, SAVICO vừa chứng minh sự cần thiết tồn tại mà còn mở rộng hợp tác đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước để phát triển ngành nghề và xây dựng thương hiệu. Ngày 31/12/2004, SAVICO kết thúc giai đoạn doanh nghiệp nhà nước để chuyển đổi thành mô hình Công ty cổ phần, sự kế thừa nhằm đến mục tiêu cao hơn, là động lực thúc đẩy để SAVICO tiếp tục phát triển, khẳng định tầm vóc một thương hiệu Mạnh tại thị trường trong và ngoài nước.

Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
Tên giao dịch : SAVICO
Mã chứng khoán : SVC

TRỤ SỞ CHÍNH
Địa chỉ : 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 3821 3913
Fax : (84-8) 3821 3553 / 3821 5992
Website : www.savico.com.vn
Email : savico@savico.com.vn

2005 - 2013 ... TRÊN ĐƯỜNG HỘI NHẬP

Công ty cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) chuyển hoạt động sang mô hình Công ty cổ phần và chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 04/01/2005 cho đến nay. Qua 30 năm hoạt động, với những bài học thực tiễn Công ty xác định chiến lược 2010 – 2015 tầm nhìn 2020 phát triển theo mô hình Công ty đầu tư tập trung vào 3 lĩnh vực: Dịch vụ Thương Mại, Dịch vụ Bất Động Sản, Dịch vụ Tài Chính, đồng thời tái cơ cấu bộ máy tổ chức, phát triển nguồn nhân lực phù hợp với từng giai đoạn qui mô phát triển của Công ty như sắp xếp các đơn vị cửa hàng xe gắn máy hình thành các Công ty TNHH, Công ty cổ phần hoạt động chuyên ngành và phát triển các đại lý xe Ô tô trong cả nước. Đến nay hệ thống SAVICO được phát triển trải dài rộng khắp cả nước với gần 20 Công ty con, liên doanh liên kết và đầu tư vào các doanh nghiệp khác...

MỤC TIÊU KINH DOANH VÀ CHIẾN LƯỢC

MỤC TIÊU KINH DOANH

1. Tiếp tục xây dựng thành công mô hình Công ty đầu tư mạnh trên phạm vi cả nước và khu vực vào năm 2015, với điều kiện An Toàn Tài Chính - Phát Triển Bền Vững và tầm nhìn 2020 hội nhập quốc tế.

2. Tổ chức phát triển mạnh mẽ hệ thống nhận dạng thương hiệu SAVICO ở 3 lĩnh vực chủ yếu nhằm gia tăng hiệu quả và uy tín thương hiệu, đó là:

- Lĩnh vực Dịch vụ - Thương Mại: Tiếp tục củng cố, nâng cấp, hoàn thiện chuỗi hệ thống phân phối những dòng xe ô tô có thương hiệu, giữ vị trí số 1 tại thị trường Việt Nam. Tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống phân phối xe gắn máy hàng đầu tại khu vực Tp. Hồ Chí Minh và thị trường Đồng bằng sông Cửu Long.

Củng cố hoạt động của các Dịch vụ khác như Taxi, tìm kiếm và đầu tư vào các ngành Dịch vụ có triển vọng khác.

- Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản: Xây dựng thành công chuỗi hệ thống Trung tâm thương mại SAVICO, Khu phức hợp tại các Thành phố lớn như: Hà Nội, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh và Tp. Cần Thơ. Tiếp tục phát triển mạnh hệ thống Dịch vụ Bất động sản gồm: Trung tâm Thương mại, Văn phòng - Căn hộ cho thuê, khách sạn, resort và nhà ở.

- Lĩnh vực Dịch vụ tài chính: Tập trung xây dựng định chế tài chính giúp điều hành tài chính toàn hệ thống nhằm kiểm soát tốt hiệu quả sử dụng vốn, hiệu quả đầu tư với mục tiêu an toàn tài chính.

3. Tiếp tục thực hiện việc liên kết ngành, lĩnh vực kinh doanh kiểm soát thị phần theo vùng thị trường thông qua việc tiếp tục xây dựng 02 Công ty Cổ phần SAVICO tại Tp. Đà Nẵng và Cần Thơ, đồng thời nghiên cứu thành lập các Công ty Cổ phần chuyên ngành kinh doanh Bất động sản, Ô tô – xe gắn máy, tài chính để gia tăng hiệu quả kinh doanh.

4. Tập trung xây dựng, phát triển nguồn nhân lực, trên cơ sở tập trung quy hoạch đội ngũ nhân viên trẻ, ưu tú để bồi dưỡng chuyên môn, phẩm chất đạo đức, gắn liền bồi dưỡng truyền thống và văn hóa Doanh nghiệp biết cống hiến vì lợi ích của Công ty nhằm xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực kế cận. Đây là nhiệm vụ chủ yếu, thường xuyên và lâu dài để phát triển Công ty bền vững.

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Môi trường và tài nguyên thiên nhiên có tầm quan trọng đặc biệt đối với đời sống con người, tạo nên cơ sở vật chất để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tạo cho con người phương tiện sinh sống và phát triển bền vững. Tác động của biến đổi khí hậu làm thay đổi và suy thoái các nguồn tài nguyên, hệ sinh thái; Sự khai thác cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, chất thải công nghiệp từ các xí nghiệp, hiệu ứng nhà kính v.v... làm ô nhiễm môi trường là những thách thức lớn.

Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên là giữ cho môi trường trong lành, sạch đẹp, bảo đảm cân bằng sinh thái; Ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường rất quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội hoạt động kinh doanh cũng như trong sinh hoạt đời sống là một hành động thiết thực đối với doanh nghiệp, sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên, chăm sóc, bảo vệ các loại động vật quý hiếm; Cải thiện môi trường, ngăn chặn, khắc phục các hậu quả xấu do con người và thiên nhiên gây ra; Khai thác sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ tốt môi trường thì con người mới có thể tạo ra một cuộc sống tốt đẹp, bền vững, lâu dài.

Là một doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực dịch vụ, nhưng SAVICO luôn nâng cao tinh thần trách nhiệm thông qua việc tuân thủ các qui định của cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường cũng như tạo môi trường sống, môi trường làm việc thân thiện; Người lao động luôn được cập nhật những thông tin và trách nhiệm thực hiện các phong trào, trong đó phong trào “Công sở văn minh Sạch, Đẹp” là một trong những hoạt động có tính thường xuyên thông qua các quy



SAVICO trao quyết định nhà ở cho hộ chính sách tại Ấp Bùng Bình (Tây Ninh)

định và hướng dẫn của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và hướng dẫn của LĐLĐ thành phố, sự chỉ đạo sâu sát của BCH Công đoàn cơ sở, cam kết thực hiện các công trình bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức cho mỗi CBNV trong toàn hệ thống, tạo nề nếp bảo vệ môi trường, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội.

Trong tất cả các hoạt động của doanh nghiệp, Công ty thường xuyên quan tâm môi trường lao động, xây dựng các biện pháp phòng ngừa rủi ro về tai nạn lao động, an toàn vệ sinh lao động, xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy, định kỳ kiểm tra các thiết bị và tổ chức tập huấn công tác phòng chống cháy nổ trong CBNV; Mặt khác, sử dụng máy móc như máy điều hòa tiết kiệm điện nhằm hạn chế khí thải trong môi trường, sử dụng hệ thống email trao đổi thông tin giảm thiểu việc sử dụng giấy, bố trí cây xanh trong khuôn viên, phòng làm việc, tạo cảnh quan, không khí trong lành.... Đây là một trong những hành động thể hiện ý thức gìn giữ môi trường xanh, sạch góp phần bảo vệ sức khỏe con người để đời sống người lao động được cải thiện ngày một tốt hơn.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI XÃ HỘI

SAVICO luôn tích cực gắn nhiệm vụ xã hội trong các hoạt động kinh doanh như một cách chia sẻ cùng cộng đồng. Công ty luôn quan tâm đến chính sách và sự đãi ngộ đối với người lao động, không chỉ dừng lại ở mức lương thưởng, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm nhằm chăm sóc sức khỏe cho người lao động, đảm bảo an toàn lao động, chính sách đào tạo nhằm thúc đẩy người lao động phát triển luôn được lưu ý. Những lợi ích vun đắp cho đời sống gia đình, giúp người lao động yên tâm công tác, gắn bó với Công ty.

Với hệ thống gần 20 Công ty thành viên trong cả nước và quan trọng hơn là nguồn nhân lực của toàn hệ thống trên 2.500 CBNV tâm huyết, năng lực... luôn gắn kết, đồng cam cộng khổ cùng với Công ty vượt qua khó khăn. Trách nhiệm



SAVICO tham gia tài trợ Dynamic (Sinh viên_Nhà doanh nghiệp tương lai)

xã hội của Công ty là mang lại cuộc sống ấm no cho người lao động.

Văn hóa doanh nghiệp có vị trí vai trò quan trọng trong sự phát triển của SAVICO; Ý thức chung tay đóng góp cùng với cộng đồng xã hội, hướng đến mục tiêu cải thiện chất lượng cuộc sống của các đối tượng gặp nhiều hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh trong xã hội thấm đượm tinh thần tương trợ là trách nhiệm của toàn hệ thống cũng đã được sự hưởng ứng tích cực của từng CBNV mang nét đặc trưng của Văn hóa SAVICO. Hằng năm, CBNV toàn hệ thống đã đóng góp ủng hộ 02 ngày lương cho các hoạt động xã hội, từ thiện, quỹ vì người nghèo, quỹ phòng chống thiên tai, bão lũ v.v...

SAVICO và các đơn vị trong hệ thống còn tạo dấu ấn sâu đậm trong cộng đồng thông qua hoạt động xã hội như đóng góp xây dựng nhà tình thương cho hộ chính sách tại Ấp Bùng Bình (Tây Ninh), Quỹ bảo trợ bệnh nhân nghèo thực hiện phẫu thuật mắt cho người mù nghèo, chăm sóc các đối tượng chính sách, Mẹ Việt Nam anh hùng, đóng góp cùng với địa phương chăm lo tết cho các hộ gia đình khó khăn, các chương trình thiện nguyện như thăm viếng và tặng quà các cháu mồ côi tại cơ sở tình thương Hoa Hồng (Củ Chi), chùa Từ Ân (Long Hải - Bà Rịa)... Bên cạnh đó, SAVICO còn tham gia các chương trình như tài trợ học bổng cho sinh viên, học sinh nghèo hiếu học qua chương trình Tổ quốc nhìn từ biển, Dynamic - Sinh viên Nhà doanh nghiệp tương lai v.v... nhằm tạo cho các bạn trẻ có điều kiện trải nghiệm, học hỏi kinh nghiệm thực tế vào hoạt động của doanh nghiệp.

Các hoạt động hướng đến môi trường cộng đồng xã hội của SAVICO là một trong những đóng góp, chia sẻ với những hoàn cảnh kém may mắn trong cuộc sống được xem là trách nhiệm xã hội và là động lực để SAVICO phát triển ổn định và bền vững.

SƠ ĐỒ
TỔ CHỨC

ĐẠI HỘI ĐỒNG
CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

BAN
KIỂM SOÁT

TỔNG
GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG
GIÁM ĐỐC
NHÂN SỰ

PHÓ TỔNG
GIÁM ĐỐC
NGHIÊN CỨU
CHIẾN LƯỢC

PHÓ TỔNG
GIÁM ĐỐC
HÀNH CHÍNH

PHÓ TỔNG
GIÁM ĐỐC
DỊCH VỤ
THƯƠNG MẠI

PHÓ TỔNG
GIÁM ĐỐC
DỊCH VỤ
BẤT ĐỘNG SẢN

PHÓ TỔNG
GIÁM ĐỐC
DỊCH VỤ
TÀI CHÍNH

BỘ PHẬN
NHÂN SỰ

BỘ PHẬN
NGHIÊN CỨU
PHÁT TRIỂN

BỘ PHẬN
KẾ TOÁN

BỘ PHẬN
KIỂM SOÁT
NỘI BỘ

BỘ PHẬN
PHÁP LÝ

BỘ PHẬN
QUẢN TRỊ
HÀNH CHÍNH

BỘ PHẬN
DỊCH VỤ
THƯƠNG MẠI

BỘ PHẬN
DỊCH VỤ
BẤT ĐỘNG SẢN

BỘ PHẬN
QUẢN TRỊ
TÀI CHÍNH

Trình độ chuyên môn của lao động toàn hệ thống SAVICO năm 2013

ĐẠI HỌC TRỞ LÊN

31,34%

CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP

24,32%

TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

44,34%

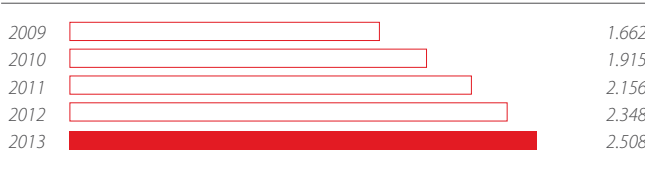
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

LAO ĐỘNG

Tính đến ngày 31/12/2013, hệ thống SAVICO có 2.508 lao động, tăng 6,8% so với năm 2012.

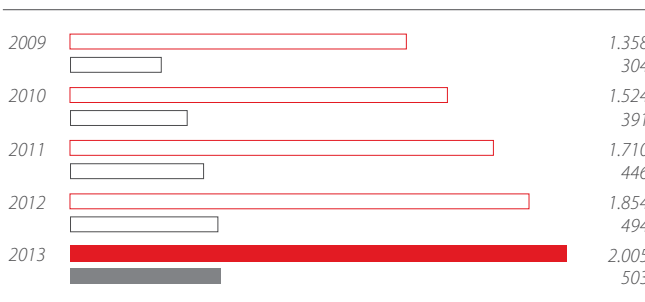
Tuổi đời trung bình của người lao động tại hệ thống SAVICO là 33 tuổi, độ tuổi dưới 30 tuổi chiếm 49,1 % trên tổng số lao động. Trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên chiếm 55,7% trên tổng số lao động.

Số lượng lao động tại SAVICO từ năm 2009 - 2013



■ Số lượng người lao động

Số lượng lao động theo giới tính tại SAVICO từ năm 2009 - 2013



■ Nam

■ Nữ

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực, trong năm 2013, Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã đẩy mạnh công tác quy hoạch cán bộ quản lý chủ chốt giai đoạn 2013 - 2015 và tầm nhìn 2020 trong toàn hệ thống SAVICO; đã có 175 cán bộ được quy hoạch cán bộ quản lý cấp cao và cấp trung.

Về thu hút và tuyển dụng lao động, trong năm 2013 toàn hệ thống đã tuyển mới 192 người, trong đó lao động tuyển cho khối kinh doanh chiếm 35,42%, khối dịch vụ - kỹ thuật chiếm 51,56% và khối nghiệp vụ chuyên môn chiếm 13,02%.

Bên cạnh đó, để giúp các cán bộ nhân viên tự tin và có trách nhiệm hơn trong công việc, SAVICO và các đơn vị đã cử 518 lao động tham gia các khóa huấn luyện và đào tạo về nâng cao năng lực quản trị, pháp lý, nghiệp vụ kỹ thuật, bán hàng... tại các trung tâm đào tạo uy tín và theo chương trình huấn luyện của nhà cung cấp.

Tiền lương bình quân toàn hệ thống tăng 21% so với năm 2012, trong đó ngành dịch vụ khác và ô tô tăng lần lượt là 17% và 26%, ngành kinh doanh xe gắn máy gặp nhiều khó khăn do sức mua giảm nên tiền lương bình quân chỉ bằng 93% so với cùng kỳ. Hầu hết các đơn vị thực hiện đầy đủ chính sách thưởng nhân dịp các ngày lễ, ngày tết, thưởng thành tích đột xuất ... theo kết quả kinh doanh của Công ty và mức độ hoàn thành công việc của cá nhân.

Gần 95% các đơn vị trong hệ thống xây dựng thỏa ước lao động tập thể thực hiện các chế độ khám sức khỏe định kỳ, tham quan nghỉ mát, bảo hiểm tai nạn lao động, các trang thiết bị trong quá trình làm việc. Tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, teambuilding, ngày hội gia đình hệ thống SAVICO theo từng khu vực, tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ ngành nghề chuyên môn: như câu lạc bộ Kế toán - Tài chính - Kiểm soát nội bộ (Safic), Câu lạc bộ Nhân sự, Quan hệ cộng đồng.

Công tác thi đua khen thưởng ngày càng hoàn thiện, nhiều tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc được Công ty khen thưởng và kiến nghị về Tổng Công ty Bến Thành, UBND TP. HCM, Thủ tướng Chính phủ xem xét khen thưởng; các phong trào sáng kiến, cải tiến trong hoạt động kinh doanh, dịch vụ, chuyên môn nghiệp vụ cũng như phong trào học tập, rèn luyện nâng cao tay nghề được tuyên dương khen thưởng kịp thời.

Năm 2014, Công ty và các đơn vị trong hệ thống tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch nhân sự chủ chốt trong toàn hệ thống; tổ chức đào tạo kiến thức quản trị điều hành nâng cao cho các cán bộ quy hoạch; hoàn chỉnh chính sách đãi ngộ nhằm thu hút, duy trì, phát triển nguồn nhân lực toàn hệ thống SAVICO.

CÁC THAY ĐỔI TRONG ĐỘI NGŨ BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2013, Công ty không có thay đổi nào về nhân sự Ban điều hành.

Đến đầu năm 2014, Ông Nguyễn Vĩnh Thọ thôi kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám Đốc Công ty để tập trung cho các nhiệm vụ liên quan với vai trò là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Bên cạnh đó, Bà Hoàng Thị Thảo cũng thôi giữ nhiệm vụ Kế toán trưởng do đến tuổi nghỉ hưu. Thành viên Ban điều hành của Công ty có một số thay đổi kể từ ngày 08/01/2014 như sau:

- Ông NGUYỄN BÌNH MINH được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- Ông ĐOÀN VĂN QUANG được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác Nghiên cứu phát triển và Chiến lược của Công ty.
- Bà NGUYỄN THU NGA được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác Hành chính và Sự kiện của Công ty.
- Ông NGÔ VĂN DANH được bổ nhiệm vị trí Kế toán trưởng của Công ty.

THÔNG TIN THÀNH VIÊN HĐQT, BAN TGD, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ÔNG NGUYỄN VĨNH THỌ

Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 01/01/1961, Nơi sinh: Gia Lai
Địa chỉ thường trú: 17 Trần Nhật Duật, Q.1, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Toyota Đồng Sài Gòn
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần SAVICO Hà Nội
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dana

2. ÔNG NGUYỄN BÌNH MINH

Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám Đốc

Ngày sinh: 13/02/1972, Nơi sinh: Hà Nội
Địa chỉ thường trú: 150/1 Ung Văn Khiêm, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Thành viên HĐQT Công ty TNHH Toyota Cần Thơ
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần SAVICO Hà Nội
- Thành viên HĐQT Công ty Liên Doanh SAVICO - Vinaland

3. ÔNG LƯƠNG QUANG HIỂN

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 25/11/1967, Nơi sinh: Đà Nẵng
Địa chỉ thường trú: 93 đường 37, P. Tân Quy, Q. 7, Tp. HCM
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Giám Đốc điều hành Công ty cổ phần Hùng Vương
- Thành viên Ban Đại Diện Quỹ đầu tư cân bằng Prudential (PRUBF1)
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Tân Bình

4. ÔNG TẾ TRÍ DŨNG

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 14/08/1981, Nơi sinh: TP. HCM
Địa chỉ thường trú: 56 Đinh Công Tráng, P. Tân Định, Q.1, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Phó Tổng Giám Đốc Tổng Công ty Bến Thành
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vàng Bạc Đá Quý Bến Thành
- Thành viên HĐQT Công ty CP Bưu chính viễn thông Sài Gòn
- Thành viên HĐQT Công ty CP Du Lịch Sài Gòn Mũi Né

5. ÔNG VÕ HIỂN

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám Đốc

Ngày sinh: 20/06/1956, Nơi sinh: Đà Nẵng
Địa chỉ thường trú :159 Lý Tự Trọng, P. Bến Thành, Q .1, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Cao đẳng
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TMDV Tổng hợp SAVICO MeKong

6. ÔNG TẠ PHƯỚC ĐẠT

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám Đốc

Ngày sinh: 15/06/1969, Nơi sinh: TP. HCM
Địa chỉ thường trú: 115/110A Lê Văn Sỹ, P.13, Q. Phú Nhuận, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế Toán
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành - SAVICO
- Thành viên HĐQT Công ty CP Việt Thái
- Thành viên HĐQT Công ty Du Lịch Bến Thành Long Hải

7. ÔNG LÊ HÙNG

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 24/08/1974, Nơi sinh: Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú: Xã Nghĩa Dong, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh

BAN ĐIỀU HÀNH

1. ÔNG NGUYỄN BÌNH MINH

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Ông Nguyễn Bình Minh được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty kể từ ngày 08/01/2014.

2. ÔNG TẠ PHƯỚC ĐẠT

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

3. ÔNG VÕ HIỂN

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

4. ÔNG PHAN TUẤN DŨNG

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Ngày sinh: 21/08/1969, Nơi sinh: Quảng Nam
Địa chỉ thường trú: 10 Nguyễn Đức Cảnh, P. Thuận Phước, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Thành viên HĐQT Công ty CP Dana
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Du Lịch Bến Thành Non Nước
- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Ô tô Sông Hàn (Thôi giữ nhiệm vụ Phó TGD SAVICO kể từ ngày 15/03/2014)

5. ÔNG MAI VIỆT HÀ

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Ngày sinh: 18/02/1973, Nơi sinh: Hưng Yên
Địa chỉ thường trú: Lô A 4-6 C/c Khánh Hội, 360C Bến Vân Đồn, P. 1, Q. 4, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Thành viên HĐQT Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Ô tô Sông Hàn

6. ÔNG ĐOÀN VĂN QUANG

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Được bổ nhiệm kể từ ngày 08/01/2014
Ngày sinh: 20/10/1971, Nơi sinh: Bình Định
Địa chỉ thường trú : 326/16 Phan Đình Phùng, Q. Phú Nhuận, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác: không có

7. BÀ NGUYỄN THU NGA

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Được bổ nhiệm kể từ ngày 08/01/2014
Ngày sinh: 02/10/1974, Nơi sinh: Nam Định
Địa chỉ thường trú: 51 Mỹ Văn, khu phố 6, Q. 7, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác: không có

BAN KIỂM SOÁT

1. ÔNG LÊ XUÂN ĐỨC

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm Soát

Ngày sinh: 10/08/1953

Nơi sinh: Thanh Hoá

Địa chỉ thường trú: 471 Phan Văn Trị,

P. 7, Q. 5, TP. HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính - Kế Toán

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Phó Ban Kiểm Soát Tổng Công Ty Bến Thành

2. BÀ NGUYỄN PHƯƠNG LOAN

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm Soát

Ngày sinh: 06/11/1962

Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: 518/8/1 Lê Văn Sỹ,

P. 11, Q. Phú Nhuận, TP. HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Thương Mại ngành Kế Toán

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác: Không

3. ÔNG NGUYỄN CÔNG BÌNH

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm Soát

Ngày sinh: 31/03/1978

Nơi sinh: TP. HCM

Địa chỉ thường trú: 327 Lô C, C/c Nguyễn Thiện Thuật,

P.1, Q. 3, TP. HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Trưởng BKS Công ty cổ phần Toyota Đông Sài Gòn
- Trưởng BKS Công ty cổ phần SAVICO Hà Nội
- Thành viên BKS Công ty TNHH Toyota Cần Thơ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ÔNG NGÔ VĂN DANH

Chức vụ: Kế toán trưởng

Ngày sinh: 27/12/1975

Nơi sinh: Sài Gòn

Địa chỉ thường trú: 159/74/52 Trần Văn Đang,

Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính - Kế Toán

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Trưởng Ban Kiểm Soát Công Ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái
- Trưởng Ban Kiểm Soát Công Ty TNHH Đồng Đô Thành
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Ô Tô Thành Phố



Ông Nguyễn Vĩnh Thọ Chủ Tịch HĐQT SAVICO trao quyết định bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc cho ông Nguyễn Bình Minh



Lễ trao quyết định bổ nhiệm nhân sự cấp cao

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **NGUYỄN VINH THỌ**
Chủ tịch HĐQT



Ông **NGUYỄN BÌNH MINH**
Phó Chủ tịch HĐQT



Ông **VÕ HIỂN**
Thành viên HĐQT



Ông **TẠ PHƯỚC ĐẠT**
Thành viên HĐQT



Ông **LÊ HÙNG**
Thành viên HĐQT



Ông **LƯƠNG QUANG HIỂN**
Thành viên HĐQT



Ông **TÊ TRÍ DŨNG**
Thành viên HĐQT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông **NGUYỄN BÌNH MINH**
Tổng Giám đốc



Ông **TẠ PHƯỚC ĐẠT**
Phó Tổng Giám đốc



Ông **VÕ HIỂN**
Phó Tổng Giám đốc



Ông **PHAN TUẤN DŨNG**
Phó Tổng Giám đốc



Ông **MAI VIỆT HÀ**
Phó Tổng Giám đốc



Ông **ĐOÀN VĂN QUANG**
Phó Tổng Giám đốc



Bà **NGUYỄN THU NGA**
Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT



Ông **ÔNG LÊ XUÂN ĐỨC**
Trưởng BKS



Ông **NGUYỄN CÔNG BÌNH**
Thành viên BKS



Bà **NGUYỄN PHƯƠNG LOAN**
Thành viên BKS

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI



THỊ PHẦN Ô TÔ CHIẾM

10,3%

THỊ PHẦN VAMA

DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN



DOANH THU

211,6

TỶ ĐỒNG

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH



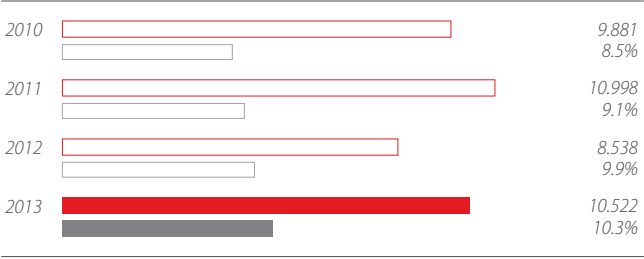
TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ

62,0

TỶ ĐỒNG

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Lượng xe ô tô tiêu thụ



■ Lượng xe tiêu thụ ■ Thị phần VAMA

LĨNH VỰC DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

Bao gồm hệ thống Dịch vụ - Thương mại ô tô, hệ thống Dịch vụ - Thương mại xe gắn máy và hệ thống Dịch vụ - Thương mại khác.

HỆ THỐNG DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI Ô TÔ

Điều chỉnh mục tiêu chiến lược giai đoạn 2013 - 2015

- Giữ vững vị thế là nhà phân phối ô tô số 1 tại Việt Nam với lượng xe tiêu thụ toàn hệ thống chiếm từ 10% - 12% thị phần VAMA.
- Phát triển lĩnh vực dịch vụ ô tô, cùng các dịch vụ gia tăng tiện ích cho khách hàng; Duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu dịch vụ từ 10% - 15%/năm.
- Tập trung nâng cao hiệu quả đầu tư với mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt từ 15% - 20%/năm.

Đánh giá thực hiện chiến lược giai đoạn 2013 - 2015

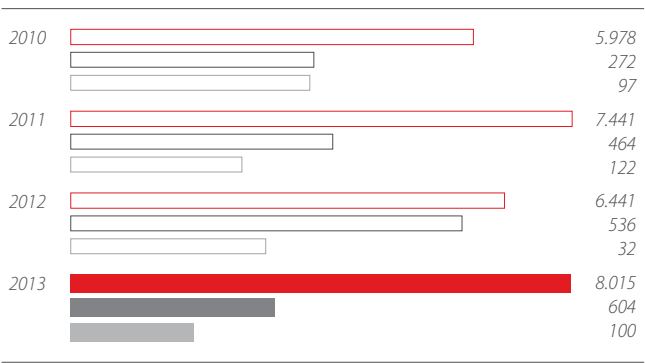
Lượng xe tiêu thụ - Thị phần

Lượng xe tiêu thụ toàn hệ thống ô tô SAVICO năm 2013 tăng 23% so với năm 2012, do chính sách giảm lệ phí trước bạ tại các thành phố lớn về 10% - 12% đã có những tác động tích cực tới lĩnh vực ô tô, doanh số bán hàng tại các đại lý trong hệ thống ô tô SAVICO tăng trưởng mạnh.

Thị phần của hệ thống ô tô SAVICO trong Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA) chiếm 10,3% trong năm 2013, đạt được mục tiêu về thị phần; Đồng thời hệ thống ô tô SAVICO luôn giữ vững thị phần dẫn đầu đối với từng nhà sản xuất liên tục trong các năm qua.

Hệ thống SAVICO vẫn khẳng định vị thế là nhà phân phối ô tô số 1 Việt Nam

Doanh thu xe ô tô



■ Tổng doanh thu ■ Doanh thu dịch vụ ■ Lợi nhuận trước thuế

Doanh thu - Lợi nhuận trước thuế

Doanh thu của toàn hệ thống ô tô SAVICO năm 2013 tăng trưởng 24% so với 2012; Toàn hệ thống ô tô SAVICO đã tập trung phát triển hoạt động dịch vụ làm nền tảng để ổn định và nâng cao hiệu quả đầu tư, duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu dịch vụ trong năm 2013 tăng 12% so với 2012, đạt được mục tiêu đề ra.

Tín hiệu tích cực của thị trường, cùng với công tác quản trị điều hành kịp thời, linh hoạt, toàn hệ thống ô tô SAVICO đã có những bước thay đổi rất lớn, lợi nhuận trước thuế tăng gấp 3 lần so với 2012; Mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2013 là 16,8%, đạt được mục tiêu đề ra.

HỆ THỐNG DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI XE GẮN MÁY

Điều chỉnh mục tiêu chiến lược giai đoạn 2013 - 2015

- Nâng cao vị thế cạnh tranh, phát triển hệ thống đại lý với các thương hiệu lớn như: Honda, Yamaha, ...
- Phát triển lĩnh vực dịch vụ xe gắn máy, cùng các dịch vụ gia tăng tiện ích cho khách hàng; Duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu dịch vụ từ 20% - 30%/năm.
- Tập trung nâng cao hiệu quả đầu tư với mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt từ 15% - 20%/năm.

Đánh giá thực hiện chiến lược giai đoạn 2013 - 2015

Trái ngược với thị trường ô tô năm 2013, do suy giảm kinh tế đã tác động rất lớn đến thu nhập, sức mua của người tiêu dùng có thu nhập vừa và thấp, khiến thị trường rơi vào tình trạng ảm đạm, giảm gần 12% so với 2012; Các nhà sản xuất vẫn duy trì nguồn cung trong bối cảnh lực cầu suy yếu đã tạo thêm áp lực cho các đại lý buộc phải giảm giá bán, giảm lợi nhuận gộp trên từng đầu xe để giải phóng hàng tồn kho...

Toàn hệ thống xe gắn máy SAVICO đã tập trung các giải pháp quản trị điều hành, kiểm soát chi phí hoạt động, thu hẹp hoạt

Lượng xe gắn máy tiêu thụ



■ Lượng tiêu thụ xe ■ Doanh thu (tỷ đồng) ■ Lợi nhuận trước thuế

động hoặc đóng cửa các cửa hàng kinh doanh không còn triển vọng phát triển nhằm nỗ lực vượt qua giai đoạn khó khăn của thị trường; Lượng xe tiêu thụ toàn hệ thống xe máy SAVICO năm 2013 giảm 21% so với 2012.

Mặc dù hệ thống xe máy SAVICO đã tập trung phát triển hoạt động dịch vụ, nhưng do hoạt động bán xe suy giảm đã ảnh hưởng rất lớn đến lượng xe bán ra quay lại làm dịch vụ, cùng với tâm lý thất vọng chi tiêu của người tiêu dùng, làm doanh thu dịch vụ năm 2013 giảm 9% so với 2012.

Thị trường xe máy gặp rất nhiều khó khăn trong năm 2013, sức mua giảm mạnh đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh doanh của hệ thống xe máy SAVICO, đây cũng là lần đầu tiên trong vòng 07 năm qua hệ thống xe máy SAVICO không có lợi nhuận.

HỆ THỐNG DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI KHÁC

Công ty ComfortDelgro SAVICO Taxi: Năm 2013, Công ty tiếp tục đầu tư mới để cơ cấu lại đoàn xe, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, cải thiện hoạt động kinh doanh chính, kết quả doanh thu bán hàng và dịch vụ năm 2013 tăng 15% so với 2012, tuy nhiên do là giai đoạn đầu của chu kỳ đầu tư mới nên chi phí đầu tư đã ảnh hưởng lớn tới hiệu quả của đơn vị.

Trung tâm thương mại SAVICO MegaMall (SMM): đang tiếp tục chia sẻ những khó khăn với khách hàng trong bối cảnh thị trường bất động sản chưa thoát khỏi tình trạng đóng băng, cùng với việc ra đời ồ ạt các TTTM nên tỷ lệ khai thác giảm; Tuy nhiên, với các nỗ lực kiểm soát chi phí, kiểm soát dòng tiền hoạt động, cơ cấu lại các gian hàng cho thuê, hoạt động kinh doanh tại SMM đang có dấu hiệu cải thiện trong những tháng cuối năm 2013.

LĨNH VỰC DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

KHU PHỨC HỢP SAVICO PLAZA

1. SAVICO PLAZA 115 - 117 HỒ TÙNG MẬU, Q. 1

- DT khu vực: 3.023 m²
- 22 tầng cao và 03 tầng hầm
- Chức năng thương mại, khách sạn và căn hộ
- Tổng vốn đầu tư 60 triệu USD
- SAVICO liên doanh với Vinaland Investment Limited theo tỷ lệ 25% & 75%
- Hoàn thành dự thảo hồ sơ xin thay đổi GCN Đầu Tư
- Đang thực hiện thủ tục xin cấp Giấy CNQSDĐ, thỏa thuận lịch biểu phát triển dự án
- Đã hoàn tất công tác giải phóng mặt bằng
- Hoàn tất thực hiện khảo sát địa chất và thử tải
- Dự án trong giai đoạn chuẩn bị khởi công

2. SAVICO PLAZA 104 PHỐ QUANG, Q. TÂN BÌNH

- DT khu vực: 9.028,3 m²
- 2 tầng hầm và 13 tầng cao
- Chức năng gồm: nhà liên kế kết hợp Trung tâm Thương Mại
- SAVICO đầu tư 100%
- Chuyển đổi công năng của dự án sang đất ở và TMDV
- Duyệt quy hoạch 1/500
- Đang tìm đối tác đầu tư

3. SAVICO MEGAMALL

- DT khu vực: 46.400 m². Dự án được chia thành 02 khu: Khu A với chức năng Đại Siêu thị, Trung tâm Thương mại, Khu giải trí; Khu B với chức năng kinh doanh ô tô và Văn phòng cho thuê; tổng vốn đầu tư 35 triệu USD.
- Tổng diện tích sàn kinh doanh với 63.000 m² gồm 01 tầng hầm và 03 tầng cao.
- Công trình đã được đưa vào khai thác kinh doanh từ tháng 12/2011
- Trung Tâm Thương Mại SAVICO MegaMall quy tụ các thương hiệu nổi tiếng: Big C, Giovanni, Bata, Adidas, Ninomaxx, Lotteria, KFC, Toyota Long Biên.

4. DỰ ÁN NAM CẨM LỆ

- DT đất: 21.822 m², với chức năng: Trung tâm thương mại, nhà ở cao tầng, showroom ô tô
- Trong đó Phần Khu nhà liên kế gồm 4.000 m², được chia thành 39 lô đất nền, với diện tích từ 100 m² đến 150 m²
- Trục chính Đại lộ Phạm Hùng rộng 24m, các đường nội bộ khác rộng 7,5m.
- Đã được cấp Giấy CN QSDĐ của từng khu và từng nền nhà liên kế
- Hoàn thành đường giao thông nội bộ của dự án. Kết chuyển một phần sang BĐS đầu tư và đã chuyển nhượng 23 nền trong tổng số 39 nền
- Tiếp tục triển khai bán 16 nền
- Đang tìm đối tác đầu tư cho các khu đất lớn có chức năng làm TTTM (1,6 ha)
- SAVICO đầu tư 100%



LĨNH VỰC DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

SAVICO TRADING CENTER

1. TTTM SAVICO - ĐÀ NẴNG

- Quy mô gồm: 01 trệt, 01 lửng, 03 tầng cao với tổng diện tích sử dụng 4.739 m²
- Tòa nhà đã được đưa vào khai thác kinh doanh ổn định từ 01/2007, công suất khai thác hiện nay đạt gần 95 %
- SAVICO đầu tư 100%

2. TTTM SAVICO - CẦN THƠ

- Quy mô gồm 1 trệt
- Tổng diện tích sử dụng gần 2.500m²
- Trung tâm đã được đưa vào khai thác kinh doanh từ năm 2007
- SAVICO đầu tư 100%

SAVICO OFFICE BUILDING

1. CAO ỐC VĂN PHÒNG HMTc - SAVICO 91 PASTEUR, Q. 1

- DT đất: 1.604 m²
- DT sàn xây dựng: 8.030 m²
- Quy mô: 02 hầm và 7 tầng cao
- Dự án hợp tác giữa Công ty cổ phần SAVICO và Công ty TNHH MTV Quản Lý & Kinh Doanh Nhà Thành Phố theo tỉ lệ 51% & 49%
- Tòa nhà đã được đưa vào khai thác kinh doanh ổn định từ 09/2010
- Công suất khai thác hiện nay là 100%

2. TÒA NHÀ VĂN PHÒNG 95B-97-99 TRẦN HƯNG ĐẠO, Q. 1

- Quy mô gồm: 01 trệt, 01 lửng, 04 tầng cao
- Tòa nhà hiện đã đưa vào khai thác và sử dụng ổn định từ tháng 01/2006
- SAVICO đầu tư 100%

3 .TÒA NHÀ VĂN PHÒNG, 555 TRẦN HƯNG ĐẠO, Q. 1

- Quy mô gồm: 01 trệt, 01 lửng và 05 tầng cao
- Toà nhà đã được đưa vào khai thác và sử dụng từ tháng 06/2008
- SAVICO đầu tư 100%

4. TÒA NHÀ VĂN PHÒNG 35 ĐỒNG KHÔI

- Quy mô gồm: 01 hầm, 01 trệt và 06 tầng cao
- SAVICO đầu tư 100%
- Tòa nhà hoàn tất và chính thức đưa vào sử dụng trong Quý 3/2009
- Công suất khai thác hiện nay là 100%

5. TÒA NHÀ 66-68 NAM KỲ KHỞI NGHĨA

- DT đất: 582,2 m²
- Quy mô gồm: 2 tầng hầm, 14 tầng cao
- Chức năng: căn hộ dịch vụ và văn phòng cho thuê; với tổng vốn đầu tư dự kiến 10 triệu USD
- SAVICO đầu tư 100%
- Chủ trương chấp thuận UBND TP. HCM về dự án đầu tư
- Đang tìm đối tác đầu tư dự án

6. CAO ỐC VĂN PHÒNG 277-279 LÝ TỰ TRỌNG, Q. 1

- DT đất: 450 m²
- DT sàn xây dựng: 3998,5m²
- Quy mô gồm: 02 hầm, 01 trệt, 01 lửng và 09 tầng cao
- SAVICO đầu tư 20%
- Tiến hành khởi công và thi công từ tháng 08/2013
- Hiện đang thi công phần móng, hầm





SAVICO RESIDENCE

1. DỰ ÁN KHU CĂN HỘ CAO TẦNG HIỆP BÌNH PHƯỚC - TAM BÌNH, THỦ ĐỨC

- DT đất: 55.340 m², được qui hoạch làm chung cư cao tầng (18 tầng) gồm hơn 1.603 căn hộ & 63 nền nhà liền kề kết hợp trung tâm thương mại với tổng diện tích sàn xây dựng 170.000 m².
- SAVICO đầu tư 100%
- Hoàn tất cấp 61 GCN QSDĐ (60 nền nhà liền kề, 1 khu chung cư)
- Hoàn tất việc xin cấp sổ nhà
- Đang thực hiện thủ tục cấp sổ hồng cho từng căn nhà
- Hoàn tất hạ tầng kỹ thuật, hệ thống xử lý nước thải, cắm mốc phân lô nền nhà liền kề
- Đang nhận góp vốn đầu tư của khách hàng cho khu nhà liền kề
- Đang triển khai xây nhà liền kề để bàn giao cho khách hàng
- Đã chuyển nhượng phần diện tích đất

làm chung cư cao tầng cho đối tác và hoàn tất việc thu tiền

2. DỰ ÁN KHU CĂN HỘ CAO TẦNG QL.13, THỦ ĐỨC

- DT đất: 18.247 m²
- Chức năng: chung cư cao tầng (17 tầng) kết hợp trung tâm thương mại.
- SAVICO đầu tư 100%
- Hoàn thành thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
- Đang tìm đối tác đầu tư

TRUNG TÂM HỘI NGHỊ TIỆC CƯỚI

3. TRUNG TÂM HỘI NGHỊ TIỆC CƯỚI

- Trung tâm tiệc cưới Melisa - 1014B Thoại Ngọc Hầu, Quận Tân Phú
- DT đất: 10.814 m²
- DT xây dựng: 7.066 m²
- Quy mô: 1 tầng, 9 sảnh với 350 bàn tiệc
- Dự án hợp tác giữa SAVICO và Titco
- Hoàn tất thiết kế kỹ thuật, đang tiến hành xin giấy phép xây dựng
- Khởi công dự án vào Quý 01/2014

• Dự kiến đưa vào khai thác kinh doanh trong tháng 9/2014

SAVICO HOTEL & RESORT

4. RESORT MERCURE SƠN TRÀ

- DT đất: 57.650 m² chức năng gồm: 22 căn biệt thự bãi biển cao cấp, khách sạn cao cấp có qui mô 120 phòng, chuẩn 4 sao thương hiệu Mercure cùng các tiện nghi giải trí khác spa, thể thao bãi biển,...
- SAVICO đầu tư 100%
- Đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ.
- Công tác chuyển đổi dự án qua Công ty con hoàn thành trong năm 2014
- Accor (Pháp) là nhà điều hành và quản lý khai thác dự án với thương hiệu Mercure
- Đã khởi công xây dựng hạ tầng công trình trong 08/2010
- Thi công hạ tầng kỹ thuật đạt 70% khối lượng, hoàn thiện 03 villa mẫu để phục vụ cho việc bán hàng



LĨNH VỰC DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

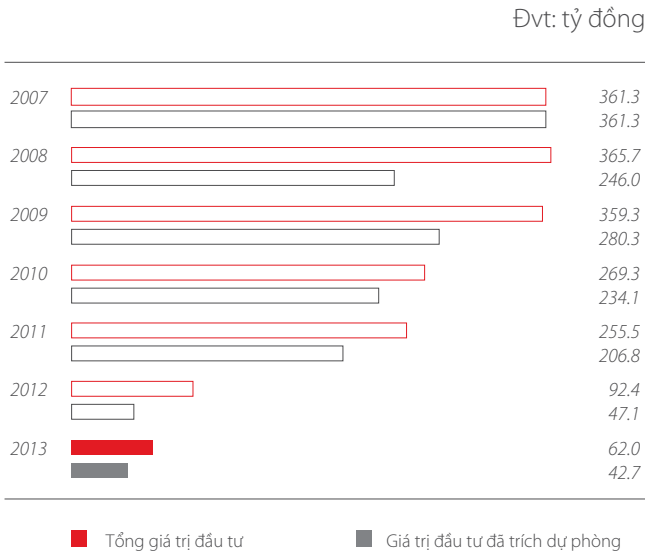
Trong năm 2013, lĩnh vực Dịch vụ Tài chính vẫn tiếp tục tập trung vào hoạt động tái cơ cấu để nâng cao hiệu quả của danh mục đầu tư. Lĩnh vực đã thực hiện đánh giá lại hiện trạng và triển vọng của từng khoản đầu tư, qua đó phân loại rõ khoản nào được giữ lại, khoản nào phải thanh khoản, khả năng và lộ trình thanh khoản.

Vào thời điểm TTCK tương đối thuận lợi ở cuối năm 2013, lĩnh vực đã thực hiện thoái hết vốn đầu tư tại ORS, qua đó giảm giá trị đầu tư của danh mục xuống còn 62 tỷ đồng.

Toàn bộ danh mục đầu tư của lĩnh vực tại thời điểm 31/12/2013 đã được trích dự phòng đầy đủ, giá trị tài sản sau khi trích lập dự phòng là gần 43 tỷ đồng, chiếm 2,87% trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty mẹ tại cùng thời điểm.

Năm 2014, lĩnh vực sẽ tập trung vào việc tiếp tục bán hết một số khoản đầu tư kém hiệu quả trong danh mục; thực hiện tái đầu tư theo mục tiêu thu nhập bền vững và hiệu quả.

Diễn biến giá trị vốn đầu tư và giá trị đầu tư đã trích lập dự phòng của danh mục đầu tư tài chính của Công ty từ 2007 đến nay:



Danh mục đầu tư lĩnh vực Dịch vụ tài chính được tích cực tái cơ cấu toàn diện trong giai đoạn 2007 - 2013

TOYOTA
Used Cars

Tận tâm - Chuyên nghiệp

PHỤ KIỆN

**BÁO CÁO
TỔNG GIÁM ĐỐC**

DOANH THU
BÁN HÀNG & DỊCH VỤ

6.595.628

TRIỆU ĐỒNG

BÁO CÁO TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2013

Năm 2013 các lĩnh vực hoạt động của Công ty cũng đứng trước những thuận lợi và khó khăn nhất định; Sức mua của thị trường ô tô có sự cải thiện rõ rệt, tăng trưởng cao so với cùng kỳ, tuy nhiên tình hình tiêu thụ xe máy lại giảm mạnh so với các năm trước; Thị trường bất động sản, tài chính, chưa có dấu hiệu hồi phục, mặt bằng lãi suất tuy có giảm nhưng khó tiếp cận các nguồn vốn. Ngay từ đầu năm, nhằm chủ động ứng phó với biến động của thị trường, Công ty đã

tập trung triển khai nhiều giải pháp quyết liệt, tăng cường công tác quản trị, kiểm soát chặt chẽ tình hình hoạt động kinh doanh; Đồng thời, thường xuyên đánh giá tình hình kinh doanh nhằm gia tăng hiệu quả tại các doanh nghiệp thành viên. Tăng cường kiểm soát nguồn vốn, dòng tiền và công tác phòng ngừa rủi ro.

Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận theo báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

BCTC HỢP NHẤT	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2013	THỰC HIỆN NĂM 2013	TH SO VỚI KH (%)	TH SO VỚI 2012 (%)
Doanh thu bán hàng & DV	Trđ	6.000.000	6.595.628	109,93	121,39
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	70.000	84.711	121,02	137,75
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	55.000	61.120	111,13	130,71
Thu nhập Cổ đông Công ty mẹ	Trđ	36.500	41.172	112,80	91,81

LĨNH VỰC DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI

Ngành hàng ô tô

Trong bối cảnh thị trường ô tô có những thay đổi rất lớn, các chính sách giảm phí trước bạ tại các thành phố lớn về 10% - 12% tác động tích cực tới ngành hàng ô tô, doanh số bán hàng tại các đại lý tăng lên đáng kể, tổng lượng xe tiêu thụ của VAMA tăng hơn 20% so với cùng kỳ năm 2012, SAVICO cùng các đơn vị đã chủ động bám sát tình hình thị trường và tiếp tục phát triển các loại hình dịch vụ, nhờ vậy, đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ.

Lượng xe tiêu thụ - doanh thu bán hàng - hoạt động dịch vụ
Các đơn vị trong toàn hệ thống SAVICO tiêu thụ được 10.522 xe, đạt 111% kế hoạch, tăng 23% so với năm 2012;

Thị phần của toàn hệ thống SAVICO chiếm 10,3% thị phần VAMA tăng 0,4 điểm % so với năm 2012, sự tăng trưởng mạnh

mẽ chủ yếu đến từ các thương hiệu lớn như Toyota, Ford... đã giúp cho tổng sản lượng của các đơn vị trong SAVICO tăng nhanh hơn 4% so với mức tăng của toàn thị trường.

Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ toàn hệ thống đạt 8.015 tỷ đồng, tăng 24% so với năm 2012. Hầu hết các nhãn hiệu ô tô đều có mức tăng trưởng đáng kể như: Toyota tăng 29%; Ford tăng 25%; Song có 3 nhãn hiệu tăng trưởng không đáng kể là: GM tương đương với 2012, Suzuki tăng 1%; Hyundai giảm 6%.

Quản trị chi phí: Tổng chi phí của toàn ngành ô tô được kiểm soát chặt chẽ, chỉ tăng nhẹ 5%, trong khi doanh thu tăng 24% so với cùng kỳ đã góp phần gia tăng hiệu quả tại từng đơn vị và toàn hệ thống.



Lợi nhuận trước thuế

Do việc gia tăng sản lượng tiêu thụ, lãi vay giảm, việc quản trị hàng hóa tồn kho, công tác dự báo kịp thời nên ngành ô tô đã có những bước thay đổi rất lớn, lợi nhuận trước thuế hợp cộng toàn hệ thống tăng gấp 3 lần so với năm 2012.

Phát triển mạng lưới

Các dự án Ford: Triển khai xây dựng đại lý 3S Cần Thơ Ford, 2S Ford Gia Lai, 2S Toyota Hải Dương; Chuẩn bị các điều kiện để triển khai dự án 3S Bình Dương Ford.

Ngành hàng xe gắn máy

Trái ngược với thị trường ô tô, do áp lực khó khăn từ nền kinh tế, đặc biệt là đối tượng người lao động có thu nhập không ổn định, nhà cung cấp gia tăng sản lượng trong khi lượng xe tiêu thụ toàn thị trường giảm gần 12% so với cùng kỳ 2012; Nhiều mẫu xe mới được các hãng đưa ra trong bối cảnh lực cầu yếu đã khiến tạo thêm áp lực cho các đại lý khi phải giảm giá bán, giảm lợi nhuận gộp trên từng đầu xe để giải phóng hàng tồn kho... Trong hệ thống xe máy của SAVICO, có đến 5/7 đơn vị không có hiệu quả.

Lượng xe tiêu thụ

Toàn hệ thống xe gắn máy SAVICO đạt 16.604 xe, giảm 21% so với cùng kỳ 2012. Đáng chú ý là lượng xe tiêu thụ tại các đơn vị có xu hướng ngày càng giảm dần trong những tháng cuối năm.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đạt 487,7 tỷ đồng, đạt 92% kế hoạch và giảm 15% so với cùng kỳ năm 2012, với nhóm các đơn vị Suzuki giảm 22%, Yamaha giảm 12%; SYM giảm mạnh nhất 44%, duy nhất chỉ có thương hiệu Honda tăng 1%.

Đây là năm đầu tiên ngành xe gắn máy kinh doanh không có hiệu quả.

Ngành hàng Dịch vụ khác

Ngành hàng Taxi

Do Công ty trong giai đoạn đầu tư mới đoàn xe, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, cải thiện hoạt động kinh doanh chính. Kết quả, doanh thu bán hàng và dịch vụ tăng 15% so với cùng kỳ, nhưng lợi nhuận trước thuế lỗ 4,8 tỷ đồng là do năm đầu tiên của chu kỳ đầu tư mới nên chi phí đầu tư đã ảnh hưởng lớn tới hiệu quả của đơn vị.

Trung tâm thương mại SAVICO MegaMall (SMM)

Đang tiếp tục chia sẻ những khó khăn với khách hàng trong bối cảnh thị trường bất động sản chưa thoát khỏi tình trạng đóng băng, cùng với việc ra đời ổ ạt các TTTM nên tỷ lệ khai thác giảm; Tuy nhiên, với các nỗ lực kiểm soát chi phí, kiểm soát dòng tiền hoạt động, cơ cấu lại các gian hàng cho thuê, hoạt động kinh doanh tại SMM đang có dấu hiệu cải thiện trong những tháng cuối năm 2013...



Ban Tổng Giám Đốc SAVICO

LĨNH VỰC DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

Trước tình hình thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn, Công ty đã thực hiện quyết liệt các giải pháp thu hồi dòng tiền từ các dự án, đảm bảo nguồn thu ổn định từ khối văn phòng và mặt bằng cho thuê, đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm.

Tuy gặp khó khăn trong những tháng đầu năm, nhưng với nhiều nỗ lực cố gắng trong việc đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng, Trung tâm thương mại SAVICO Cần Thơ đã được đưa vào khai thác trở lại; Bên cạnh đó, nhờ công tác tổ chức, bố trí, sắp xếp các mặt bằng và thực hiện chính sách giá linh hoạt nên hiệu quả từ khối khai thác ổn định (trung tâm thương mại, văn phòng, mặt bằng cho thuê...) tiếp tục giữ vững, mang lại doanh thu cho Công ty đạt hơn 54,4 tỷ đồng, và chiếm 55% trong cơ cấu lợi nhuận của lĩnh vực, góp phần nâng cao hiệu quả toàn Công ty.

Công ty tiếp tục tăng cường tập trung thực hiện các dự án trọng điểm, đảm bảo công tác pháp lý và tiến độ triển khai đúng theo mục tiêu đề ra.

LĨNH VỰC DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

Tiếp tục tập trung cơ cấu tài sản, nguồn vốn, phối hợp với các lĩnh vực/bộ phận cơ cấu, sắp xếp, thu hẹp lại quy mô hoạt động của các đơn vị chưa hiệu quả, tiến hành thanh khoản danh mục đầu tư của các lĩnh vực thu về dòng tiền hơn 300

tỷ đồng, đã phần nào đáp ứng được nguồn vốn cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty cũng đã đàm phán với các ngân hàng, giảm mặt bằng chi phí lãi vay. Nhờ vậy chi phí vốn của Công ty đã có những thay đổi rất lớn, giảm 64% so với cùng kỳ, trung bình giảm gần 1 tỷ đồng/tháng so với thời điểm đầu năm.

Tiếp tục khẳng định vai trò Công ty mẹ trong công tác kiểm soát dòng vốn ngắn hạn cũng như việc sử dụng đòn bẩy tài chính của các đơn vị trong toàn hệ thống; Công ty đã thực hiện bảo lãnh và hỗ trợ vốn trong toàn hệ thống giúp các đơn vị mới thành lập tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp, gia tăng hiệu quả kinh doanh.

Công tác quản trị

Tăng cường kiểm tra, đánh giá hiệu quả đầu tư của từng lĩnh vực, đặc biệt rà soát mục đích sử dụng các khoản vốn vay do SAVICO bảo lãnh, tránh việc đầu tư sai mục đích gây lãng phí. Bên cạnh đó, để thực hiện mục tiêu giảm dư nợ vay tại các ngân hàng, đáp ứng những nhu cầu về nguồn vốn cho các hoạt động kinh doanh, Công ty đã tập trung thanh khoản các dự án, danh mục đầu tư, thu hồi dòng tiền, tái đầu tư cho các hoạt động kinh doanh khác.

Thường xuyên rà soát, kiểm tra quá trình thực hiện chi phí của từng bộ phận, lĩnh vực. Kết quả, đã tiết giảm được hơn 10% so với kế hoạch chi phí đã xây dựng đầu năm góp phần nâng cao hiệu quả Công ty.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2013

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch là nỗ lực rất lớn của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc, cán bộ đại diện vốn, cán bộ quản lý và người lao động cùng đoàn kết, đồng thuận, chia sẻ vượt qua khó khăn, thách thức, góp phần vào sự phát triển bền vững của hệ thống Công ty.

NHỮNG NỖ LỰC CỐ GẮNG

Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại

- Tập trung theo dõi chặt chẽ tình hình hoạt động kinh doanh tại các đơn vị, đặc biệt là khối ô tô đã có những bước thay đổi rất lớn so với cùng kỳ, đóng góp phần lớn vào hiệu quả của lĩnh vực và toàn Công ty. Các hoạt động kinh doanh dịch vụ, phụ tùng, phụ kiện, bảo hành, sửa chữa...đều có những tăng trưởng đáng kể, đúng theo mục tiêu đã đề ra.
- Công tác dự báo, đánh giá thị trường, kiểm soát hàng tồn kho, chi phí được triển khai thực hiện linh hoạt, đồng bộ trong năm 2013, tiến tới kiểm soát định mức chi phí theo từng bộ phận đã góp phần tăng cường công tác quản trị theo chiều sâu tại từng đơn vị và trong toàn hệ thống.
- Đã phối hợp với các đơn vị trong hệ thống triển khai đánh giá việc thực hiện chiến lược, đề ra các mục tiêu hoạt động trong dài hạn, xây dựng các phương án phòng ngừa rủi ro, chủ động trước những thay đổi từ thị trường.
- Bước đầu thực hiện quá trình tái cấu trúc hoạt động các đơn vị theo định hướng chung của Công ty; Rà soát, đánh giá, hỗ trợ và cơ cấu lại hoạt động của những đơn vị kém hiệu quả. Bên cạnh đó, Công ty mẹ luôn giữ vai trò chủ đạo tạo mối liên kết chặt chẽ trong nội bộ giữa các đơn vị trong hệ thống, hỗ trợ các hoạt động kinh doanh, góp phần nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả của Công ty.

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản

- Thực hiện đúng theo các mục tiêu Công ty đề ra ngay từ đầu năm, tiến hành cắt giảm tổng tài sản của lĩnh vực, góp phần tạo nguồn thu, dòng tiền và hiệu quả cho Công ty.
- Tiếp tục xác định lấy hoạt động của khối thu ổn định làm cơ sở phát triển bền vững, lâu dài; Tích cực chủ động tìm kiếm khách hàng, nâng cao tỷ lệ khai thác kinh doanh và hiệu quả của các Trung tâm thương mại, mặt bằng và văn phòng cho thuê.
- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trọng điểm: Hiệp Bình Phước - Tam Bình, Quốc lộ 13... nhanh chóng xử lý các vướng mắc về pháp lý, tiếp tục tìm kiếm các đối tác để hợp tác phát triển các dự án của Công ty.

Lĩnh vực Dịch vụ Tài chính

- Tập trung kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, cơ cấu nguồn vốn

hợp lý, đồng thời phối hợp với các bộ phận có liên quan giám sát chặt chẽ các chi phí và hỗ trợ các đơn vị phân phối nguồn vốn hợp lý.

- Cắt giảm các danh mục đầu tư không hiệu quả, cơ cấu, sắp xếp lại hoạt động kinh doanh của lĩnh vực tinh gọn và hợp lý. Không thực hiện chủ trương phát hành trái phiếu 150 tỷ đồng do đã cơ cấu được một số danh mục tài sản ở lĩnh vực tài chính và lĩnh vực bất động sản
- Tiến hành đánh giá hiệu quả đầu tư tại từng lĩnh vực, đề xuất các giải pháp đảm bảo các hiệu quả đầu tư vốn của Công ty đạt mức an toàn, bền vững.

NHỮNG HẠN CHẾ TỒN TẠI

Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại

- Tuy đã tăng cường công tác dự báo, tuy nhiên các hoạt động kinh doanh vẫn còn ảnh hưởng khi gặp sự thay đổi chính sách liên quan về ô tô; Công tác đặt hàng và chính sách bán hàng tại các đơn vị vẫn phải theo xu thế của nhà sản xuất hay nhóm các đại lý trong khu vực dẫn đến hiệu quả hoạt động vẫn phụ thuộc lớn vào những tác động này.
- Các giải pháp và nỗ lực cho khối xe gắn máy và thương mại dịch vụ khác chưa bền vững và hiệu quả.
- Nguồn thu từ cổ tức từ một vài đơn vị chưa thực hiện theo đúng kế hoạch và mục tiêu Công ty đề ra; Công tác giao kế hoạch, kiểm tra định mức chi phí cho từng bộ phận cần tiếp tục kiểm soát việc chấp hành...

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản

- Tiến độ vốn hóa các dự án chưa thực hiện đúng theo kế hoạch, đặc biệt các dự án chiếm giữ vốn đầu tư lớn.
- Hiệu quả của lĩnh vực chưa mang tính ổn định, bền vững, công tác xây dựng định hướng hoạt động và lộ trình thực hiện còn chậm.

Lĩnh vực Dịch vụ Tài chính

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty mặc dù được cải thiện nhưng vẫn chưa đạt mục tiêu an toàn và bền vững.

CỔ TỨC NĂM 2013

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2013, mức cổ tức năm 2013 dự kiến là 12%/vốn điều lệ. Hội đồng quản trị dự kiến đề xuất ĐHĐCĐ phê duyệt mức chia cổ tức năm 2013 là 12%/vốn điều lệ.

MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH 2014

Mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2014

- Xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014, 2015 của Công ty, dựa vào kết quả thực hiện, tiến hành đánh giá chiến lược giai đoạn 2010 - 2015, làm cơ sở cho công tác triển

- khai xây dựng chiến lược giai đoạn 2015 - 2020 cho toàn hệ thống Công ty.
- Xây dựng và giao các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2014 tới từng đơn vị, bộ phận, các lĩnh vực theo hướng quản lý chặt chẽ theo định mức chi phí, đảm bảo hiệu quả của toàn Công ty được ổn định và bền vững. Tiếp tục củng cố hoạt động 3 lĩnh vực, chú trọng công tác cơ cấu sắp xếp các đơn vị chưa hiệu quả, phát triển tăng quy mô ngành ô tô – xe máy, trọng tâm là phát triển mạnh về dịch vụ.
- Tiếp tục thanh khoản danh mục đầu tư, cắt giảm tổng tài sản, giảm chi phí vốn, đảm bảo an toàn vốn và sử dụng vốn có hiệu quả, nâng cao năng lực tài chính toàn hệ thống.
- Thường xuyên rà soát, kiểm tra đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh tại các đơn vị, bộ phận và lĩnh vực, bám sát những diễn biến từ thị trường, kịp thời đưa ra những giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

- Tiếp tục tập trung đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, chăm lo đội ngũ CB-NV đi đôi với tái cấu trúc bộ máy tổ chức, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty; Hoàn thiện quy chế quản trị, quy chế cán bộ đại diện vốn, hợp đồng trách nhiệm đối với cấp cán bộ quản lý.
- Nâng cao sự gắn kết và phân công chức năng, nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT, Tiểu ban HĐQT với chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận Văn phòng Công ty. Tăng cường công tác PR nội bộ, tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa các bộ phận tại Văn phòng Công ty với nhau và với các đơn vị trong hệ thống, để thực hiện tốt nhất những mục tiêu mà Công ty đã đặt ra.
- Tổ chức đánh giá, rà soát kết quả thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT trong nhiệm kỳ II (2010 - 2015), đồng thời chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực cần thiết để trình HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua trong nhiệm kỳ III (2015 - 2020).

Chỉ tiêu kinh doanh năm 2014 Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ phê duyệt

BCTC HỢP NHẤT	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2013	KẾ HOẠCH NĂM 2014	KH 2014 SO VỚI TH 2013(%)
Doanh thu bán hàng & DV	Trđ	6.595.628	7.000.000	106,13
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	84.711	90.000	106,24
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	61.120	65.000	106,35
Thu nhập Cổ đông Công ty mẹ	Trđ	41.172	44.500	108,08
Cổ tức	%/VĐL	12	12	100,00

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Lĩnh vực Dịch vụ - Thương Mại

Việc giảm lệ phí trước bạ tại các thành phố lớn sẽ là tín hiệu tích cực giúp thị trường ô tô có nhiều khởi sắc, tuy vậy, thị trường vẫn tiếp tục tiềm ẩn nhiều rủi ro khi nền kinh tế chưa thực sự tăng trưởng bền vững. Bên cạnh đó, thị trường xe gắn máy được dự đoán sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình này toàn lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại cần tập trung các công tác như sau:

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến của tình hình thị trường, dự báo những ảnh hưởng của các chính sách khác tới thị trường ô tô. Xây dựng các phương án chủ động phòng ngừa rủi ro, tận dụng tối đa các cơ hội để nâng cao hiệu quả.
- Giám sát chi phí hoạt động theo bộ phận tại từng đơn vị, đồng thời tăng cường công tác kiểm soát, nâng cao chất lượng quản trị hệ thống, minh bạch trong quản trị

- điều hành... Nâng cao tính quản trị hợp nhất tại các đơn vị SAVICO góp vốn trên 50% để giảm rủi ro Công ty mẹ.
- Tiếp tục đẩy mạnh chất lượng, hiệu quả dịch vụ và các giải pháp phát triển mạng lưới đồng bộ tại Tp.HCM, các vùng miền để duy trì tính bền vững của ngành ô tô xe máy. Tiếp tục hướng đến mục tiêu chất lượng dịch vụ là uy tín từng thương hiệu trong hệ thống SAVICO.
 - Tái cấu trúc hoạt động của khối ngành xe gắn máy, ngay trong 6 tháng đầu năm, xây dựng phương án phòng ngừa rủi ro trong trường hợp thị trường xe gắn máy tiếp tục diễn biến xấu.
 - Tăng quy mô phát triển, thành lập mới, theo phương châm tiếp tục tái cấu trúc bộ máy toàn hệ thống, phát triển nguồn nhân lực tại chỗ; Xây dựng giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và xác định lợi nhuận bền vững.

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản

- Tiếp tục duy trì, khai thác tối đa các mặt bằng, trung tâm thương mại hiện có. Tìm kiếm đối tác hợp tác cùng khai



Hội nghị kế hoạch hệ thống SAVICO năm 2014

- thác kinh doanh để thu hút nguồn vốn, nâng cao tỷ lệ khai thác và hiệu quả hoạt động từ khối cho thuê ổn định.
- Tập trung vốn hóa các dự án có chi phí lãi vay cao, cắt giảm tổng tài sản, nhằm thu hồi vốn đầu tư, giảm thiểu chi phí, và tái đầu tư vào các dự án mới.
 - Xác định mô hình hoạt động, lựa chọn phân khúc đầu tư phù hợp với năng lực, tình hình thị trường, xây dựng lộ trình hoạt động đầu tư trong dài hạn của lĩnh vực.
 - Rà soát tổng tài sản, nguồn vốn, xác định lợi nhuận bền vững cho lĩnh vực Bất động sản.

Lĩnh vực Dịch vụ Tài Chính

- Tiếp tục thanh khoản và cơ cấu lại danh mục đầu tư. Kiểm soát cơ cấu nguồn vốn, chi phí sử dụng vốn, hiệu quả đầu tư của từng doanh nghiệp thành viên. Xem xét việc sử dụng các đòn bẩy tài chính và giải pháp tài chính trong toàn hệ thống.
- Theo dõi, kiểm soát chặt chẽ hoạt động kinh doanh từng đơn vị, lĩnh vực và hiệu quả đầu tư của Công ty mẹ; Xây dựng kế hoạch dòng tiền và hiệu quả theo mục tiêu các chỉ tiêu tài chính của Công ty an toàn, bền vững.
- Chịu trách nhiệm kiểm tra các dự án đầu tư mới đảm bảo nguyên tắc cẩn trọng, các đầu tư mới phải được kiểm soát về nguồn vốn, các đòn bẩy tài chính, hiệu quả đầu tư sử dụng vốn và có phương án dự phòng nhằm đảm bảo mức độ ảnh hưởng, rủi ro từ các đầu tư này lên hoạt động chung của Công ty là ít nhất và có kiểm soát.

Công tác quản trị

- Tăng cường công tác Quan hệ cổ đông, đẩy mạnh công tác quảng bá thương hiệu, cung cấp đầy đủ các thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư. Thường xuyên theo dõi và có các giải pháp cụ thể để bảo vệ giá trị cổ phiếu SAVICO trên thị trường.
- Tiếp tục duy trì, phát triển nguồn nhân lực, quy hoạch đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ CBNV, nâng cao năng lực quản trị hệ thống, chuyển mạnh hoạt động Công ty thực sự trở thành Công ty đầu tư; Chuẩn bị nguồn nhân lực cho việc thực hiện chiến lược giai đoạn 2015 - 2020.

KIẾN NGHỊ

Trường hợp Công ty thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận năm 2014 như đăng ký, kính đề nghị ĐHĐCĐ chấp thuận mức trích chi phí 10% trên phần vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2014 để quan hệ và chi thưởng, động viên kịp thời các thành viên HĐQT, Ban điều hành, cán bộ quản lý và cán bộ đại diện vốn trong toàn hệ thống.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ TĂNG

37.75%

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị đã Chỉ đạo các Tiểu ban xây dựng các kế hoạch hành động phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty nhằm tư vấn, giám sát việc thực hiện chiến lược và hạn chế rủi ro.

Phân tích thông tin, đánh giá dự báo xu hướng phát triển các lĩnh vực hoạt động, từ đó hạn chế rủi ro đầu tư trong những năm kế tiếp, đảm bảo phát triển ổn định và bền vững.

Tập trung hoàn thiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2014 - 2015 tới các đơn vị trong toàn hệ thống.

Chấn chỉnh việc thực hiện quy chế đại diện vốn; gia tăng tính tuân thủ chế độ báo cáo; triển khai xây dựng hợp đồng trách nhiệm đối với người đại diện vốn; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng người đại diện vốn nhằm tư vấn, hỗ trợ và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị trong hệ thống.

Kiểm tra việc thực hiện các quy chế quản trị, các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng.

Hội đồng quản trị đã tổ chức 09 cuộc họp Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị mở rộng, 32 lần trưng cầu xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, qua đó đã ban hành 50 quyết định liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty, cụ thể:

- 13 quyết định liên quan đến lĩnh vực dịch vụ thương mại;
- 17 quyết định liên quan đến lĩnh vực dịch vụ bất động sản;
- 05 quyết định liên quan đến lĩnh vực dịch vụ tài chính;
- 09 quyết định về nhân sự;
- 06 quyết định về một số vấn đề hoạt động khác của Công ty.

Hội đồng quản trị đã phối hợp với Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động và kiểm tra thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của ĐHQĐ và Hội đồng quản trị giao.

Tháng 01 năm 2014, Hội đồng quản trị đã thống nhất bầu Ông Nguyễn Bình Minh – thành viên Hội đồng quản trị làm Phó chủ tịch Hội đồng quản trị và đồng thời bổ nhiệm Ông Nguyễn Bình Minh – làm Tổng giám đốc điều hành. Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng đã bổ nhiệm Ông Đoàn Văn Quang làm Phó Tổng giám đốc phụ trách Nghiên cứu phát triển, bổ nhiệm Bà Nguyễn Thu Nga làm Phó Tổng giám đốc phụ trách Quản trị hành chính, bổ nhiệm Ông Ngô Văn Danh làm Kế toán trưởng thay cho Bà Hoàng Thị Thảo nghỉ hưu; và thời giữ nhiệm vụ Phó Tổng giám đốc đối với Ông Phan Tuấn Dũng để Ông Dũng tập trung vào công tác xây dựng, điều hành, phát triển Công ty cổ phần SAVICO Đà Nẵng cũng như chiến lược kinh doanh của SAVICO tại khu vực miền Trung.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả cao hoạt động điều hành của Tổng giám đốc, bộ máy giúp việc cho Tổng giám đốc và người đại diện phần vốn tại các Công ty có vốn góp của SAVICO. Qua đó, Tổng giám đốc Công ty đã triển khai tổ chức và thực hiện thành công các công việc sau:

- Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2014 – 2015.
- Xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh và các giải pháp thực hiện trong năm 2013.
- Triển khai linh hoạt và đồng bộ công tác dự báo thị trường, chia sẻ thông tin kịp thời, giúp các đơn vị chủ động trong công tác đặt hàng, quản trị hàng hóa tồn kho, làm giảm áp lực chi phí tài chính.
- Triển khai xây dựng đại lý 3S Cần Thơ Ford, đại lý 2S Gia Lai Ford, và đại lý 2S Toyota Hải Dương, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai đại lý 3S Bình Dương Ford; Thành lập và triển khai hoạt động Công ty cổ phần SAVICO Đà Nẵng.
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính, hoàn tất cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho Dự án Hiệp Bình Phước - Tam Bình; Chuyển nhượng phần chung cư dự án Hiệp Bình Phước – Tam Bình và dự án 56 Bến Vân Đồn; Chuyển mục đích sử dụng đất cho 22 nền biệt thự tại dự án Mercure Sơn Trà.



- Tập trung kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, cơ cấu nguồn vốn hợp lý, cắt giảm các danh mục đầu tư không hiệu quả, không thực hiện chủ trương phát hành trái phiếu 150 tỷ đồng do đã cơ cấu được một số danh mục tài sản.
- Đánh giá, phân tích, dự báo tình hình hoạt động kinh doanh theo từng tháng, quý để có biện pháp chỉ đạo kịp thời, huy động có hiệu quả các nguồn lực của Công ty.
- Kiểm tra tình hình chấp hành việc tuân thủ các qui định của Nhà nước và các cơ quan chức năng, các qui định hoạt động của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2013, Hội đồng quản trị đã thực hiện hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do ĐHQĐĐ giao và ủy quyền với sự tận tâm và nỗ lực cao nhất, cùng với sự đồng thuận, chia sẻ vượt qua khó khăn, thách thức góp phần vào sự phát triển bền vững của toàn hệ thống.

Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại

- Theo dõi chặt chẽ tình hình hoạt động kinh doanh tại các đơn vị, đặc biệt là ngành ô tô đã có những bước thay đổi rất lớn so với cùng kỳ, đóng góp phần lớn vào hiệu quả của lĩnh vực và toàn Công ty. Các hoạt động kinh doanh dịch vụ, phụ tùng, phụ kiện, bảo hành, sửa chữa...đều có những tăng trưởng đáng kể, đúng theo mục tiêu đã đề ra.

- Công tác dự báo, đánh giá thị trường, kiểm soát hàng tồn kho, chi phí được triển khai thực hiện linh hoạt và đồng bộ trong năm 2013, tiến tới kiểm soát định mức chi phí theo từng bộ phận đã góp phần tăng cường công tác quản trị theo chiều sâu tại từng đơn vị và trong toàn hệ thống.
- Phối hợp với đơn vị triển khai đánh giá việc thực hiện chiến lược và đề ra các mục tiêu hoạt động trong dài hạn, xây dựng các phương án phòng ngừa rủi ro và chủ động trước những thay đổi từ thị trường.
- Rà soát, đánh giá, hỗ trợ và cơ cấu lại hoạt động của những đơn vị kém hiệu quả theo mục tiêu đảm bảo hiệu quả đầu tư tại từng đơn vị. Bên cạnh đó, SAVICO luôn giữ vai trò trung tâm để định hướng, chỉ đạo, phối hợp và hỗ trợ các doanh nghiệp thành viên trong các hoạt động kinh doanh, góp phần nâng cao sức cạnh tranh,và hiệu quả của Công ty cũng như hệ thống.

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản

- Tiến hành cắt giảm tổng tài sản của lĩnh vực, các dự án chịu chi phí lãi vay lớn, góp phần tạo nguồn thu, dòng tiền và hiệu quả cho Công ty.
- Tiếp tục xác định lấy hoạt động của khối thu ổn định làm cơ sở phát triển bền vững, lâu dài, từ đó tổ chức sắp xếp, cơ cấu lại hoạt động kinh doanh một cách hợp lý. Tích cực chủ động tìm kiếm khách hàng, nâng cao tỷ lệ khai thác kinh doanh và hiệu quả của các trung tâm thương mại,

mặt bằng và văn phòng cho thuê.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trọng điểm: Hiệp Bình Phước - Tam Bình, Quốc lộ 13... nhanh chóng xử lý các vướng mắc về pháp lý và tìm kiếm các đối tác để hợp tác phát triển các dự án của Công ty.

Lĩnh vực Dịch vụ Tài chính

- Tập trung kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, cơ cấu nguồn vốn hợp lý. Phối hợp với các bộ phận có liên quan giảm thiểu tối đa các khoản chi phí sử dụng vốn của Công ty.
- Cơ bản đã cắt giảm được các khoản đầu tư tài chính không hiệu quả, cơ cấu, thu hẹp lại hoạt động kinh doanh của lĩnh vực tinh gọn và hợp lý. Không thực hiện chủ trương phát hành trái phiếu 150 tỷ đồng do đã cơ cấu được một số tài sản ở lĩnh vực tài chính và lĩnh vực bất động sản.
- Tiến hành đánh giá hiệu quả đầu tư tại từng lĩnh vực, đề xuất các mục tiêu tối thiểu cần đạt để đảm bảo các chỉ số đầu tư của Công ty đạt mức an toàn, bền vững.

KẾ HOẠCH DỰ KIẾN NĂM 2014

Trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo; Tình hình kinh tế trong nước chậm được khắc phục cùng với những vấn đề mới phát sinh tác động không thuận đến ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, với các chính sách hợp lý, các chỉ tiêu kinh tế đã có những chuyển biến tích cực và đúng hướng. Với mục tiêu tái cấu trúc để phát triển, Hội đồng quản trị định hướng các chương trình hoạt động trong năm 2014 với trọng tâm như sau:

- Tập trung đầu tư, tăng quy mô, mở rộng thị phần cho lĩnh vực kinh doanh chính;
- Xây dựng hoàn thiện chiến lược kinh doanh 2015 – 2020;
- củng cố, tái cấu trúc các doanh nghiệp trong hệ thống, trước mắt tập trung củng cố các doanh nghiệp ngành xe gắn máy. Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng, vận hành hệ thống các quy định nội bộ của doanh nghiệp;

- Đào tạo, bồi dưỡng, chăm lo và phát triển nguồn nhân lực;
- Nâng cao văn hoá doanh nghiệp để kết nối và cộng hưởng cho toàn hệ thống.

Từ những mục tiêu định hướng trên, HĐQT đề ra các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 trình thông qua ĐHQĐĐ năm 2014 như sau:

BCTC HỢP NHẤT	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2014
Doanh thu bán hàng & DV	Trđ	7.000.000
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	90.000
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	65.000
Thu nhập Cổ đông Công ty mẹ	Trđ	44.500
Cổ tức	%/VĐL	12

Hội đồng quản trị đánh giá cao và cảm ơn sự tận tâm, nỗ lực của Tổng giám đốc, Ban điều hành và tinh thần đoàn kết, đồng lòng của tập thể cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống đã luôn vượt khó để đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh, cùng nhau xây dựng, bồi đắp cho thương hiệu SAVICO ngày càng vững mạnh.

Hội đồng quản trị cũng xin chân thành cảm ơn Quý vị cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng đã tin tưởng, chia sẻ và ủng hộ Công ty trong suốt các năm qua. Đặc biệt, xin chân thành cảm ơn các cơ quan ban ngành Trung ương, Thành phố, TCT Bến Thành, các đơn vị tư vấn, ngân hàng, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM, Trung tâm lưu ký chứng khoán, các cơ quan truyền thông, báo đài đã luôn hỗ trợ và đồng hành cùng Công ty trong thời gian qua.

Trân trọng.

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT TRONG NĂM 2013 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm, Ban kiểm soát tiếp tục triển khai các hoạt động kiểm tra định kỳ. Bên cạnh đó, trên cơ sở thống nhất với HĐQT Công ty, Ban kiểm soát chủ động xây dựng lịch biểu phối hợp với bộ phận KSNB và các bộ phận chức năng có liên quan tổ chức các đợt làm việc với đơn vị theo chuyên đề trọng tâm.

Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các buổi họp với HĐQT, Ban điều hành để cập nhật kịp thời tình hình hoạt động và những vấn đề phát sinh trong quá trình quản trị, điều hành, đưa ra những ý kiến tham mưu, góp ý. Bên cạnh đó, Ban kiểm soát cũng được tạo điều kiện thuận lợi trong việc thu thập số liệu, tài liệu, thông tin phục vụ cho công tác kiểm tra.

Trong quý IV năm 2013, nhân sự Ban kiểm soát có sự thay đổi ở vị trí Trưởng BKS và thành viên BKS. Để kiện toàn bộ máy hoạt động, Ban kiểm soát đã thống nhất với HĐQT bổ sung hai nhân sự có kinh nghiệm, năng lực chuyên môn tham gia

hỗ trợ cho Ban kiểm soát. Việc bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát sẽ được thực hiện tại kỳ ĐHĐCĐ gần nhất.

KIỂM TRA, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Trong năm qua HĐQT và Ban điều hành đã triển khai thực hiện đầy đủ và có hiệu quả các nội dung quyết nghị của ĐHĐCĐ thường niên năm 2013. HĐQT đã ban hành 50 quyết định chỉ đạo các vấn đề trong quản trị, điều hành, trong đó tập trung những vấn đề trọng tâm liên quan đến việc phê duyệt việc chuyển nhượng và phát triển các dự án bất động sản; thành lập, giải thể và bảo lãnh vốn cho các đơn vị trong hệ thống; bổ nhiệm, thay đổi nhân sự quản lý; cơ cấu danh mục đầu tư... Hoạt động của HĐQT tuân thủ Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành. Về phía Ban điều hành luôn chấp hành đầy đủ và thực hiện có hiệu quả những chỉ đạo của HĐQT. Kết quả cho thấy Công ty đã đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 đã thông qua, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	KH THÔNG QUA ĐHĐCĐ NĂM 2013 (TRIỆU ĐỒNG)	THỰC HIỆN (TRIỆU ĐỒNG)	% KH	% CÙNG KỲ
Doanh thu bán hàng & dịch vụ	6.000.000	6.595.628	110,0	121,4
Lợi nhuận trước thuế	70.000	84.711	121,0	137,8
Lợi nhuận sau thuế	55.000	61.120	111,1	130,7
Thu nhập Cổ đông Công ty mẹ	36.500	41.172	112,8	91,8
Cổ tức	12%			

Theo ý kiến của Ban kiểm soát, trong năm qua bên cạnh những yếu tố thuận lợi của thị trường thì sự chủ động, linh hoạt của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong chỉ đạo điều hành đã mang lại hiệu quả tích cực. Ngoài các nhóm giải pháp chủ đạo trong hoạt động kinh doanh đã nêu trên, công tác tăng cường sự minh bạch, phòng ngừa rủi ro luôn được quan tâm thông qua việc tiếp tục hoàn thiện hệ thống

phòng ngừa rủi ro, thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các đơn vị trong hệ thống và kiên quyết xử lý các sai phạm; nâng cao trách nhiệm đối với cán bộ quản lý thông qua việc triển khai xây dựng hợp đồng trách nhiệm; kịp thời củng cố các đơn vị yếu kém và giải thể những đơn vị thua lỗ kéo dài; chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ hàng tồn kho, chi phí, công nợ và bám sát diễn biến của thị trường tại các đơn vị trong hệ thống

để giảm thiểu rủi ro... đã góp phần đưa Công ty đạt và vượt những chỉ tiêu đã đề ra.

Trong năm qua, Công ty đã thực hiện việc cơ cấu lại tài sản ở lĩnh vực bất động sản và tài chính thông qua việc vốn hóa dự án, thanh khoản danh mục đầu tư mang lại dòng tiền giúp kéo giảm dư nợ vay từ 308 tỷ đồng (tại thời điểm 01/01/2013) xuống còn 252 tỷ đồng (tại thời điểm 31/12/2013), tương ứng giảm 22,2%. Đây là kết quả hết sức có ý nghĩa trong bối cảnh hiện nay vì đã giúp cho tình hình tài chính của Công ty ngày một lành mạnh và an toàn hơn.

Nhằm tách bạch giữa chức năng hoạch định chiến lược và chức năng điều hành, đầu năm 2014 Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành mới. Qua đó cũng đã giúp tăng cường công tác giám sát của HĐQT đối với hoạt động của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã đưa ra các giải pháp để tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ đại diện vốn như tăng cường công tác giám sát, đánh giá cũng như phân công, thay thế nhân sự ở một số đơn vị theo hướng chuyên sâu. Đối với các Tiểu ban giúp việc cho HĐQT, HĐQT tiếp tục nâng cao tính chuyên môn hóa công việc, phân công thành viên HĐQT độc lập phụ trách và bổ sung nhân sự của một số Tiểu ban nhằm nâng cao vai trò tham mưu, phản biện đối với chiến lược cũng như các giải pháp điều hành kinh doanh.

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013

Ban kiểm soát đã tiến hành các bước kiểm tra trên báo cáo tài chính của đơn vị. Theo ý kiến của Ban kiểm soát, xét trên khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2013.

MỘT SỐ NHẬN XÉT - KIẾN NGHỊ VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Trong năm 2013, tình hình tài chính của Công ty mẹ tiếp tục được cải thiện bằng các giải pháp cơ cấu lại tài sản, thu hồi dòng tiền để giảm dư nợ vay và lãi vay, giúp cho cân đối vốn tại thời điểm cuối năm chuyển biến theo chiều hướng tích cực. Từ đó, giảm được áp lực trong việc điều phối dòng tiền phục vụ cho hoạt động thường xuyên và tái đầu tư mở rộng. Trên cơ sở tham khảo chỉ tiêu xếp hạng tín dụng của các tổ chức, một số chỉ số tài chính đã đạt mức an toàn và bền vững như hệ số tự tài trợ đạt 44,5% (mức an toàn là 45%), tỷ lệ đòn cân nợ trên vốn đạt 27,7% (mức bền vững là 44,8%). Tuy nhiên, các chỉ số khác vẫn còn thấp so với ngưỡng an toàn như hệ số thanh toán hiện hành là 0,41 (mức an toàn là 1,1), ROA là 2,4% (mức an toàn là 5,5%), ROE là 5,4% (mức an toàn



là 10,8%). Vì vậy, trong năm 2014, Công ty cần tiếp tục cơ cấu lại tài chính để cải thiện khả năng thanh toán. Đồng thời, tập trung cắt giảm những tài sản/khoản đầu tư chưa sinh lợi, lợi nhuận thấp hoặc tìm kiếm đối tác để cùng tham gia đầu tư, khai thác, góp phần gia tăng tỷ suất lợi nhuận. Từ đó, đưa các chỉ tiêu tài chính về mức an toàn và bền vững.

Công ty cần tiếp tục phát huy vai trò tham mưu, phản biện của các Tiểu ban, các thành viên HĐQT độc lập; hoàn thiện hệ thống phòng ngừa rủi ro thông qua việc rà soát, xây dựng các qui chế quản trị; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đại diện vốn, kiểm soát viên; triển khai áp dụng hợp đồng trách nhiệm đối với cán bộ quản lý; phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong việc xây dựng kế hoạch hoạt động, kiểm tra các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đã giao.

LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CÔNG TÁC PHÍ CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

Lương, thù lao và công tác phí của HĐQT, BKS, BDH năm 2013 là 3.529.000.000 đồng.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

Trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhằm kiện toàn bộ máy hoạt động. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2014.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được qui định tại Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty. Ngoài ra, Ban kiểm soát sẽ chủ động xây dựng lịch biểu phối hợp với bộ phận KSNB, các bộ phận chức năng có liên quan để xem xét tình hình hoạt động một số đơn vị trong hệ thống.

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO

Công tác quản trị rủi ro được chú trọng tại SAVICO từ nhiều năm qua. Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã chủ động yêu cầu các đơn vị, bộ phận trong hệ thống tự xác định các rủi ro hiện hữu và tiềm tàng cũng như thông qua các đơn vị tư vấn độc lập để đánh giá đúng tầm quan trọng của công tác quản trị rủi ro.

Công ty hướng đến việc xây dựng văn hoá quản trị và kiểm soát rủi ro bằng cách thiết lập hợp lý hệ thống từ cấp quản lý trở xuống, khuyến khích việc tự nhận thức, xác định vai trò, chủ động tiến hành và chịu trách nhiệm của từng cá nhân trong bộ máy về hoạt động quản trị rủi ro thông qua các rủi ro chính yếu.

Công ty thực hiện xây dựng và điều chỉnh cơ cấu bộ máy hoạt động theo hướng để cao sự minh bạch trong hoạt động quản lý; thực hiện phân công phân nhiệm rõ ràng; có bộ phận riêng chịu trách nhiệm kiểm soát rủi ro nội bộ; sử dụng tư vấn độc lập về rủi ro; sử dụng một số công cụ bảo hiểm... qua đó góp phần hạn chế được những rủi ro có thể phát sinh.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD, BKS

Lương, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD, BKS:

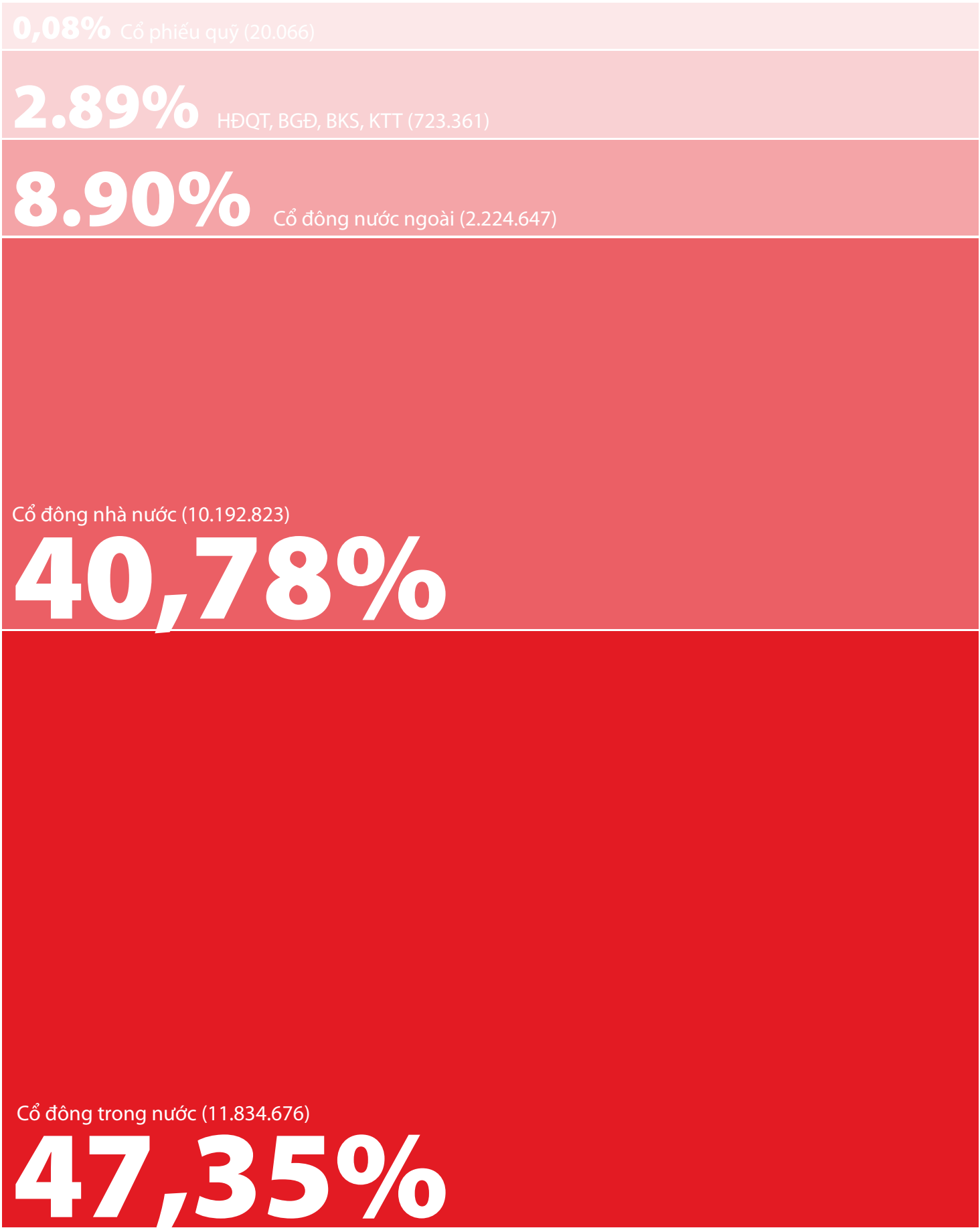
CHỈ TIÊU	2013 VND
Thành viên Hội đồng quản trị	2.626.500.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	790.000.000
Thành viên Ban Kiểm soát	112.500.000
	3.529.000.000

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

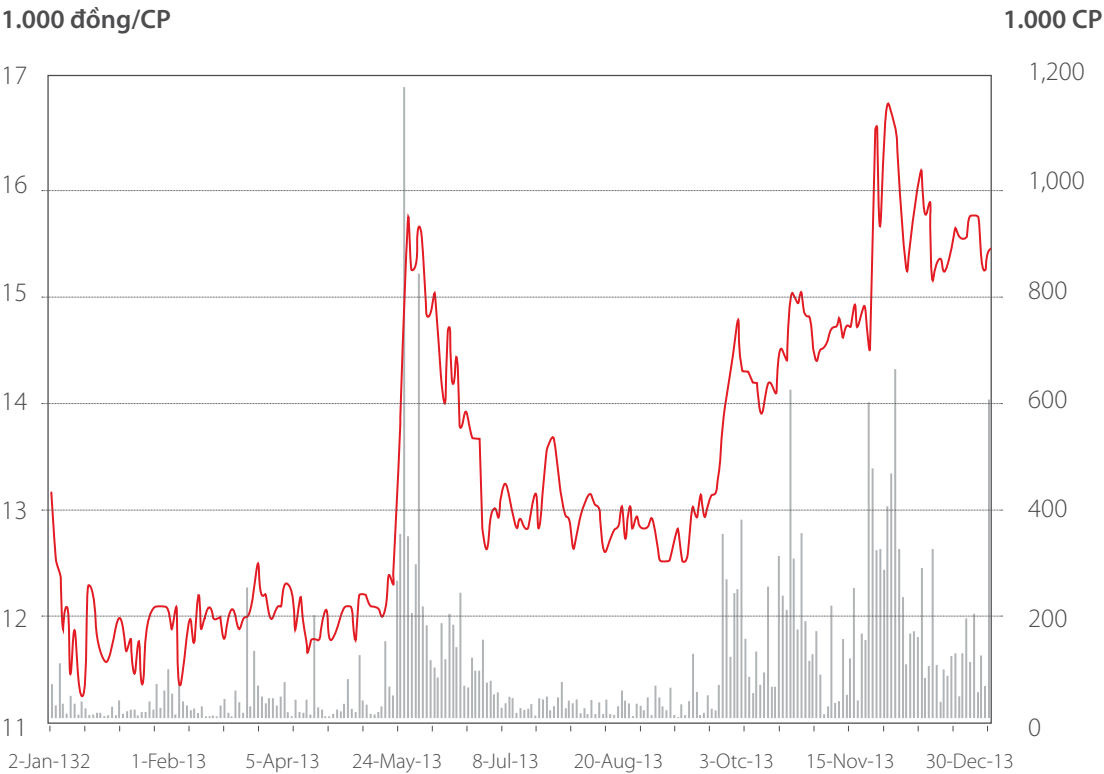
THÔNG TIN CỔ PHIẾU tính từ 01/01/2013 đến 31/12/2013

THỐNG KÊ CỔ PHIẾU TRONG NĂM 2013	ĐVT	SỐ LIỆU
Giá ngày 31/12/2013	đồng/ CP	15.000
Giá ngày 28/12/2012	đồng/ CP	13.600
Giá cao nhất trong năm	đồng/ CP	16.800
Giá thấp nhất trong năm	đồng/ CP	10.900
Tổng khối lượng giao dịch	CP	22.480.120
Khối lượng giao dịch bình quân/ phiên	CP/ phiên	89.920
Khối lượng CP niêm yết	CP	24.995.573
Khối lượng CP lưu hành	CP	24.975.507
Tổng giá trị vốn hoá thị trường (ngày 31/12/13)	tỷ đồng	374.6
Tổng giá trị sổ sách của Công ty (ngày 31/12/13)	tỷ đồng	741.6
EPS (2013)	đồng/ CP	1.648
P/E (31/12/2013)	lần	9.10
P/B (31/12/2013)	lần	0.51
Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài (31/12/13)	%	4.59
Tỷ lệ sở hữu của cổ đông Nhà nước (31/12/13)	%	40.78

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các cổ đông theo danh sách cổ đông chốt ngày 26/02/2014



DIỄN BIẾN GIÁ ĐÓNG CỬA VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH TRONG NĂM 2013



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ (tính từ 01/01/2013 đến 31/12/2013)

Trong năm qua Công ty không thực hiện mua/ bán cổ phiếu quỹ, tổng số cổ phiếu quỹ đến thời điểm 31/12/2013 của Công ty là 20.066 cổ phiếu.

TÊN TỔ CHỨC/ NGƯỜI GIAO DỊCH	PHÂN LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CP TRƯỚC NGÀY GIAO DỊCH	SỐ LƯỢNG CP GIAO DỊCH		SỐ LƯỢNG CP SAU NGÀY GIAO DỊCH	THỜI ĐIỂM KẾT THÚC GIAO DỊCH
			Mua	Bán		
Công ty cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Tổ chức có liên quan với chủ tịch HĐQT	0	200.000		200.000	22/03/2013
Phan Tuấn Dũng	Phó Tổng giám đốc	88.300		88.300	0	17/04/2013
Công ty TNHH quản lý quỹ SSI	Cổ đông lớn	2.484.790		275.900	2.208.890	25/11/2013
Công ty TNHH quản lý quỹ SSI	Cổ đông lớn	2.208.890		263.420	1.945.470	27/11/2013
Jom Silkkitie Investment Fund	Cổ đông lớn	772.390	527.610		1.300.000	02/01/2014
Jom Silkkitie Investment Fund	Cổ đông lớn	1.300.000	500.000		1.800.000	11/02/2014

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (theo DSCĐ ngày 28/02/2014)

CỔ ĐÔNG	PHÂN LOẠI CỔ ĐÔNG	TỶ LỆ NĂM GIỮ %	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
				TỔ CHỨC	CÁ NHÂN
Cổ đông Nhà Nước	10.192.823	40,78	1	1	
HĐQT, BGD, BKS, KTT	723.361	2,89	8		8
Cổ đông trong nước	11.834.676	47,35	1.685	54	1.631
Cổ đông nước ngoài	2.224.647	8,90	46	7	39
Cổ phiếu quỹ	20.066	0,08	1	1	
Tổng cộng	24.995.573	100	1.741	63	1.678

Tính đến thời điểm chốt danh sách Cổ đông ngày 26/02/2014, SAVICO có 1.740 Cổ đông trên tổng số cổ phiếu lưu hành. Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán Trưởng sở hữu 723.361 cổ phiếu, tương đương 2,89% tổng số cổ phiếu lưu hành. Một số Cổ đông lớn phải kể đến như Tổng Công ty Bến Thành nắm giữ 10.192.823 cổ phiếu (chiếm 40,78%); Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI sở hữu tổng cộng 1,945,470 cổ phiếu (7,78%), Jom Silkkitie Investment Fund sở hữu 1.800.000 cổ phiếu (chiếm 7,2%). SAVICO có 46 Cổ đông nước ngoài sở hữu 2.224.647 cổ phiếu chiếm 8,9% số cổ phiếu lưu hành.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TỪ 05% VỐN ĐIỀU LỆ TRỞ LÊN (theo DSCĐ ngày 28/02/2014)

CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU SỞ HỮU	TỶ TRỌNG %
Tổng Công ty Bến Thành	27 Nguyễn Trung Trực, Q.1, TP. HCM	10.192.823	40,78
Công ty TNHH quản lý quỹ SSI	Tầng 5, số 1C, Ngõ Quyền, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.945.470	7,78
Jom Silkkitie Investment Fund	Puna Vuorenkatu 2A A 00120 Helsinki, Finland.	1.800.000	7,20

Tỷ lệ sở hữu của thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD, KTT (theo DSCĐ ngày 28/02/2014)

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU	%
Nguyễn Vĩnh Thọ	Chủ tịch HĐQT	550.062	2,201
Nguyễn Bình Minh	Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Giám đốc	67.900	0,272
Tạ Phước Đạt	Thành viên HĐQT Phó Tổng giám đốc	27.726	0,111
Tế Trí Dũng	Thành viên HĐQT	-	0,000
Võ Hiến	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	77.673	0,311
Lê Hùng	Thành viên HĐQT	-	0,000
Lương Quang Hiến	Thành viên HĐQT	-	0,000
Mai Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc	7.800	0,031
Phan Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	-	0,000
Đoàn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	30.023	0,120
Nguyễn Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc	2.605	0,010
Nguyễn Công Bình	Thành viên BKS	156	0,001
Ngô Văn Danh	Kế toán trưởng	-	0,000

CÔNG TÁC QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ (IR)



Hội nghị nhà đầu tư SAVICO

Trong năm 2013, SAVICO luôn tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu về việc thực hiện công bố thông tin theo quy định chính xác, đầy đủ và kịp thời. Công ty luôn coi việc công bố thông tin minh bạch, đầy đủ và chính xác là trách nhiệm đối với các nhà đầu tư, cũng như với chính sự phát triển bền vững của SAVICO.

Với mục tiêu tăng cường công tác chăm sóc cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng của Công ty, công tác quan hệ nhà đầu tư (IR) ngày càng được cải thiện, nâng cao chất lượng. Công ty tạo ra ngày càng nhiều hơn nữa các kênh thông tin đa dạng tới các cổ đông và các nhà đầu tư như Đại hội đồng Cổ đông thường niên, thông báo kết quả kinh doanh định kỳ hàng quý, qua website www.savico.com.vn, qua các phương tiện truyền thông đại chúng.

Đáng chú ý trong năm 2013, Công ty đã nhận được những phản hồi tích cực từ cộng đồng Nhà đầu tư. Công ty đã cải tiến chuyên mục Quan hệ Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty. Báo cáo thường niên của Công ty liên tục 6 năm liền (2007-2012) được bình chọn là một trong những báo cáo thường niên tốt nhất và năm 2013 Công ty cũng được nhà đầu tư tin tưởng và bình chọn là một trong những đơn vị có hoạt động IR tốt nhất.

CÔNG TÁC ĐOÀN THỂ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC



Vai trò của các đoàn thể đã góp phần thúc đẩy hoạt động thi đua hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh trong hệ thống; Công đoàn đã phối hợp phát động các phong trào thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến trong công tác, nghiệp vụ chuyên môn, tổ chức các hội thi nghiệp vụ - tay nghề (đã có 19 cá nhân xuất sắc được khen thưởng) đồng thời thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động như tổ chức tham quan nghỉ mát, ngày hội gia đình hệ thống SAVICO, tặng quà nhân ngày của Mẹ, ngày của Cha hằng năm... đặc biệt quan tâm đến các hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn như trao tặng nhà tình thương cho nhân viên thuộc đơn vị Bến Thành SAVICO; hỗ trợ sửa chữa, chống dột nhà ở cho một số CBNV; Khảo sát chăm lo cho CBNV khó khăn trong dịp Tết Giáp Ngọ... Qua hai năm, Quỹ tương trợ SAVICO đã chi hơn 877 triệu đồng để hỗ trợ cho người lao động. Mặt khác, dù tình hình kinh doanh có nhiều

khó khăn nhưng SAVICO cũng đã thể hiện tinh thần sẻ chia đối với những người nghèo, bất hạnh trong xã hội như đóng góp quỹ xã hội chăm lo người nghèo của Tổng Công ty Bến Thành, hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người nghèo của Hội chữ thập đỏ Quận 1.

Đoàn thanh niên thể hiện vai trò nòng cốt trong các phong trào thi đua, các hoạt động phong trào mang tính giáo dục truyền thống cho đoàn viên thanh niên như tổ chức nói chuyện chuyên đề về Biển đảo Trường Sa, thực hiện công tác xã hội như thăm viếng và tặng quà Trung thu các cháu mồ côi tại chùa Phát Võ (Nhà Bè)... Bên cạnh đó Đoàn thanh niên đã hưởng ứng tích cực các phong trào như văn nghệ, hội thao trong dịp kỷ niệm 31 năm ngày thành lập SAVICO và kỷ niệm 16 năm ngày thành lập Tổng Công ty Bến Thành, tạo không khí thi đua vui tươi, sôi nổi trong toàn hệ thống.

CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

CÁC GIẢI THƯỞNG ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2013

SAVICO và một số các đơn vị thành viên trong hệ thống đã đạt các giải thưởng thương hiệu do các tổ chức uy tín trao tặng như sau:

SAVICO (đạt Top 100) và 3 đơn vị thành viên: Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn, Công ty TNHH ô tô Sài Gòn - Sài Gòn Ford; Công ty TNHH Toyota Long Biên đạt (Top 200) Giải Sao Vàng Đất Việt năm 2013;

SAVICO và 02 đơn vị thành viên trong hệ thống là Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn; Công ty TNHH Sài Gòn ô tô (Saigon Ford) đã đạt danh hiệu Doanh nghiệp TP. HCM tiêu biểu;

Top 30 Báo cáo thường niên tốt nhất 2013;

Thương hiệu Uy tín (Trusted Brand); Doanh nghiệp phát triển bền vững do Mạng Doanh Nghiệp Việt Nam bình chọn;

SAVICO và 2 Đơn vị thành viên trong hệ thống: Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn và Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô đạt Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VRN500);

Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST 500) do Công ty CP Báo cáo đánh giá Việt Nam bình chọn...

Các giải thưởng khác do các tập đoàn ngành nghề công nhận:

Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn đạt: Giải ba kỹ năng chăm sóc khách hàng;

Công ty CP Bến Thành ô tô (Bến Thành Ford) và Công ty TNHH Toyota Long Biên: đạt giải nhất cổ vấn dịch vụ; Giải nhất kỹ thuật viên và giải ba phụ tùng;

Công ty TNHH Sài Gòn ô tô (Saigon Ford) đạt giải ba cổ vấn dịch vụ; Giải nhì kỹ năng chăm sóc khách hàng.



SAVICO đạt Top 30 BCTN tốt nhất



SAVICO đạt Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam



SAVICO đạt danh hiệu "Doanh nghiệp TP. HCM tiêu biểu"

“SAVICO với sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi chính là nền tảng căn bản cho những sáng tạo, đột phá, tăng trưởng bền vững và khẳng định vị thế SAVICO trên thị trường”

Hơn 30 năm xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) với sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi chính là nền tảng căn bản cho những sáng tạo, đột phá, tăng trưởng bền vững và khẳng định vị thế SAVICO trên thị trường. Chiến lược kinh doanh của Công ty luôn xác định và phát triển trên 3 lĩnh vực: Dịch vụ Thương mại, Dịch vụ Bất động sản, Dịch vụ tài chính.; Trong đó lĩnh vực Dịch vụ Thương mại là then chốt; Năm 2013, SAVICO tiếp tục vượt qua khó khăn, tăng trưởng bền vững; Tổng doanh thu hợp nhất đạt trên 6.595 tỷ đồng, đạt và vượt gần 10% kế hoạch; Tăng 21,4% so với cùng kỳ năm 2012; Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt trên 84,7 tỷ đồng đạt và vượt trên 21% so với kế hoạch; Tăng gần 38% so với cùng kỳ năm 2012; Từ các hoạt động và hiệu quả kinh doanh tăng trưởng vượt trội hằng năm, vị trí Công ty luôn được khẳng định trên thị trường qua những giải thưởng danh hiệu cao quý do các cơ quan và tổ chức uy tín trao tặng như Top 100 Giải Sao Vàng Đất Việt đạt 07 năm liên tiếp từ năm 2007 - 2013; Top 30 Giải Báo cáo thường niên tốt nhất; Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam... Thu nhập người lao động được cải thiện, đảm bảo ổn định cuộc sống, SAVICO còn chú trọng công tác đào tạo, tái cấu trúc bộ máy, nâng cao năng lực quản lý theo hướng gắn kết với trình độ nguồn năng lực nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh; Công ty đã phát triển, bổ sung nguồn nhân lực cấp cao và cấp trung từ nguồn lực tại chỗ.

SAVICO đã không ngừng nỗ lực cải tiến mọi dịch vụ để giữ vững lòng tin nơi khách hàng, nhất là trong giai đoạn khó khăn chung do ảnh hưởng từ những bất ổn của nền kinh tế như hiện nay, đã chứng minh được rằng thời điểm khó khăn nhất lại là thời điểm chứng tỏ được bản lĩnh và ý chí của doanh nghiệp để có thể tiếp tục tồn tại, tiếp tục dẫn thân vào những hoài bão kinh doanh lớn hơn.

Thành công của SAVICO chính là luôn minh bạch, uy tín, tạo được niềm tin của đối tác, khách, hàng, cổ đông; Tăng cường công tác tiếp thị, xây dựng hình ảnh thương hiệu và tiếp tục đầu tư, mở rộng mạng lưới hoạt động nhằm phát triển các loại hình hoạt động phong phú đa dạng một cách bền vững. Mặt khác, Công ty còn luôn sẵn sàng chia sẻ những khó khăn để từ đó đưa ra các giải pháp tốt nhất trong các lĩnh vực kinh doanh của mình. Chính vì điều này, mà lượng đối tác, khách hàng đã gắn bó lâu dài qua nhiều năm cũng đã được đảm bảo qua sự chia sẻ ấy. Đó quả thật là nguồn "tài sản" quý giá mà Công ty đã tạo dựng được từ quá trình xây dựng và phát triển trong thời gian qua mà dù trong giai đoạn khó khăn như năm vừa qua, Công ty vẫn luôn gìn giữ bằng rất nhiều cố gắng. Như vàng đã qua thử lửa, cùng với sự sáng dẫn lên của bức tranh tổng thể về sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới khi tình hình kinh tế đã hồi phục, chắc chắn rằng các doanh nghiệp có sự phát triển bền vững như SAVICO sẽ gặt hái được nhiều thành công hơn trong thời kỳ hội nhập.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG



TỔNG NGUỒN VỐN

1.48 2.310

TRIỆU ĐỒNG

THÔNG TIN CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH SỐ

3448/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004
3449/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004

Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân TP. HCM cấp.

GIẤY PHÉP KINH DOANH

4103002955 ngày 15 tháng 12 năm 2004

Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 25 tháng 1 năm 2014. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	<i>Chủ tịch</i>
Ông Nguyễn Bình Minh	<i>Phó Chủ tịch</i> <i>(từ ngày 8 tháng 1 năm 2014)</i>
Ông Nguyễn Bình Minh	<i>Thành viên</i> <i>(đến ngày 8 tháng 1 năm 2014)</i>
Ông Tạ Phước Đạt	<i>Thành viên</i>
Ông Võ Hiến	<i>Thành viên</i>
Ông Tế Trí Dũng	<i>Thành viên</i>
Ông Lương Quang Hiến	<i>Thành viên</i>
Ông Lê Hùng	<i>Thành viên</i>

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Bình Minh	<i>Tổng Giám đốc</i> <i>(từ ngày 8 tháng 1 năm 2014)</i>
Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	<i>Tổng Giám đốc</i> <i>(đến ngày 8 tháng 1 năm 2014)</i>
Ông Nguyễn Bình Minh	<i>Phó Tổng Giám đốc</i> <i>(đến ngày 8 tháng 1 năm 2014)</i>
Ông Đoàn Văn Quang	<i>Phó Tổng Giám đốc</i> <i>(từ ngày 8 tháng 1 năm 2014)</i>
Bà Nguyễn Thu Nga	<i>Phó Tổng Giám đốc</i> <i>(từ ngày 8 tháng 1 năm 2014)</i>
Ông Tạ Phước Đạt	<i>Phó Tổng Giám đốc</i>
Ông Võ Hiến	<i>Phó Tổng Giám đốc</i>
Ông Phan Tuấn Dũng	<i>Phó Tổng Giám đốc</i>
Ông Mai Việt Hà	<i>Phó Tổng Giám đốc</i>

BAN KIỂM SOÁT

Ông Lê Xuân Đức	<i>Trưởng ban</i>
Bà Nguyễn Phương Loan	<i>Thành viên</i>
Ông Nguyễn Công Bình	<i>Thành viên</i>

TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ

68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh Việt Nam

CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 54 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Bình Minh
Tổng Giám đốc

TP. HCM, ngày 18 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street,
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax + 84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

Kính gửi các cổ đông

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 6 đến trang 54.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại TP. HCM, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 13-01-307



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

TP. HCM, ngày 18 tháng 3 năm 2014

Chang Hung Chun

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0863-2013-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
Mẫu B 01 - DN

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140+ 150)	100		187.523.929.721	106.291.440.413
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	24.515.494.949	4.455.549.627
Tiền	111		13.647.729.787	4.455.549.627
Các khoản tương đương tiền	112		10.867.765.162	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	42.673.301.361	12.880.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		61.954.136.000	54.800.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(19.280.834.639)	(41.920.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	117.799.354.716	84.755.837.466
Phải thu khách hàng	131		6.449.948.663	14.296.090.285
Trả trước cho người bán	132		85.799.625.113	20.750.113.731
Các khoản phải thu khác	135		25.549.780.940	49.709.633.450
Hàng tồn kho	140	7	43.813.382	106.619.587
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.491.965.313	4.093.433.733
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	7.916.671
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		386.504.617	917.360.319
Thuế phải thu Nhà nước	154		38.130.512	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.067.330.184	3.168.156.743

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.294.785.898.150	1.286.666.428.487
Các khoản phải thu dài hạn	210	6	76.845.621.247	62.845.621.247
Phải thu dài hạn khác	218		76.845.621.247	62.845.621.247
Tài sản cố định	220		662.305.788.765	539.390.473.363
Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.344.961.306	3.106.895.739
<i>Nguyên giá</i>	222		9.950.639.888	10.843.930.349
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7.605.678.582)	(7.737.034.610)
Tài sản cố định vô hình	227		43.174.479.684	43.961.077.356
<i>Nguyên giá</i>	228		47.084.099.490	47.084.099.490
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.909.619.806)	(3.123.022.134)
Xây dựng cơ bản dở dang	230		616.786.347.775	492.322.500.268
Bất động sản đầu tư	240	11	179.039.700.824	185.143.232.657
<i>Nguyên giá</i>	241		225.388.783.099	224.224.251.966
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(46.349.082.275)	(39.081.019.309)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	372.800.675.746	493.817.114.738
Đầu tư vào công ty con	251		154.045.222.000	157.072.107.279
Đầu tư vào công ty liên kết	252		56.353.359.436	58.230.309.000
Đầu tư dài hạn khác	258		185.662.344.630	303.954.496.328
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(23.260.250.320)	(25.439.797.869)
Tài sản dài hạn khác	260		3.794.111.568	5.469.986.482
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	2.583.611.568	4.259.486.482
Tài sản dài hạn khác	268		1.210.500.000	1.210.500.000
TỔNG TÀI SẢN (270= 100 + 200)	270		1.482.309.827.871	1.392.957.868.900

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

(Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
Mẫu B 01 - DN

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		823.324.350.517	738.251.609.891
Nợ ngắn hạn	310		461.165.259.840	352.884.769.949
Vay ngắn hạn	311	14	60.427.675.248	93.686.173.330
Phải trả cho người bán	312		3.810.712.537	10.232.605.647
Người mua trả tiền trước	313	15	179.366.247.551	34.993.474.130
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	6.796.906.468	21.282.623.305
Phải trả người lao động	315		30.415.871.234	28.015.582.862
Chi phí phải trả	316	17	12.469.584.234	15.289.381.947
Các khoản phải trả , phải nộp khác	319	18	164.623.597.375	144.919.337.824
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	19	3.254.665.193	4.465.590.904
Nợ dài hạn	330		362.159.090.677	385.366.839.942
Phải trả dài hạn khác	333	20	115.427.465.521	114.501.317.327
Vay dài hạn	334	21	191.887.691.844	214.459.700.672
Doanh thu chưa thực hiện	338	22	54.843.933.312	56.405.821.943
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410)	400		658.985.477.354	654.706.259.009
Vốn chủ sở hữu	410	23	658.985.477.354	654.706.259.009
Vốn cổ phần	411	24	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	414	24	(690.474.358)	(690.474.358)
Quỹ đầu tư và phát triển	417		12.469.151.903	12.469.151.903
Quỹ dự phòng tài chính	418		12.469.151.903	12.469.151.903
Lợi nhuận chưa phân phối	420		67.717.059.603	63.437.841.258
TỔNG NGUỒN VỐN (400 = 300 + 400)	440		1.482.309.827.871	1.392.957.868.900

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ trong tiền		
USD	335	681

Ngày 18 tháng 3 năm 2014

Người lập

Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt

Nguyễn Bình Minh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Mẫu B 02 - DN

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu	01	25	61.687.928.299	91.934.395.742
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	(85.983.120)	(96.464.520)
Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)	10	25	61.601.945.179	91.837.931.222
Giá vốn hàng bán	11	26	(29.306.395.006)	(49.160.637.023)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		32.295.550.173	42.677.294.199
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	56.793.225.308	47.829.155.885
Chi phí tài chính	22	28	(26.831.954.400)	(99.653.967.010)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(24.429.651.652)	(67.469.727.289)
Chi phí bán hàng	24		(596.703.986)	(1.045.665.276)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(28.910.609.778)	(39.929.137.547)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)	30		32.749.507.317	(50.122.319.749)
Thu nhập khác	31	29	10.912.060.182	116.302.234.120
Chi phí khác	32		(1.543.346.522)	(3.185.024.906)
Lợi nhuận từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		9.368.713.660	113.117.209.214
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		42.118.220.977	62.994.889.465
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	(4.902.822.533)	(8.127.773.455)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30	(1.675.874.914)	(904.271.830)
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)	60		35.539.523.530	53.962.844.180
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.423	2.161

Ngày 18 tháng 3 năm 2014

Người lập

Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt

Nguyễn Bình Minh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp)
Mẫu B 03 - DN

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		42.118.220.977	62.994.889.465
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		8.811.136.109	9.213.303.085
Các khoản dự phòng	03		110.987.090	8.480.340.577
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(20.000.000)	(3.957.948.227)
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi	05		(20.006.412.747)	(26.980.505.563)
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	05		-	13.116.458.898
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào công ty con và các khoản đầu tư dài hạn khác	05		47.272.155	-
Chi phí lãi vay	06		24.429.651.652	67.469.727.289
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		55.490.855.236	130.336.265.524
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		59.100.341.653	86.846.307.715
Biến động hàng tồn kho	10		62.806.205	9.924.273.146
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		139.757.846.330	(107.140.167.972)
Biến động chi phí trả trước	12		346.265.269	1.891.813.301
			254.758.114.693	121.858.491.714
Tiền lãi vay đã trả	13		(48.869.541.625)	(67.920.505.208)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(13.754.026.122)	(1.017.236.047)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		9.312.189.790	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(7.495.723.896)	(8.205.939.794)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		193.951.012.840	44.714.810.665

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(116.770.892.513)	(56.512.649.604)	
Biến động tài sản dài hạn khác		-	720.000.000	
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vào chứng khoán	22	6.570.300.000	152.339.211.000	
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	45.000.000	12.996.394.441	
Tiền thu từ thanh lý đầu tư tài chính dài hạn vào công ty con và công ty liên kết	23	1.960.000.000		
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(2.740.795.979)	(28.809.000.000)	
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	17.531.519.034	27.684.213.513	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(93.404.869.458)	108.418.169.350	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	77.691.207.789	277.636.800.034	
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(133.521.714.699)	(398.899.348.448)	
Tiền trả cổ tức	36	(24.655.691.150)	(37.463.260.500)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(80.486.198.060)	(158.725.808.914)	

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2013 VND	2012 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		20.059.945.322	(5.592.828.899)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		4.455.549.627	10.048.378.526
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	24.515.494.949	4.455.549.627

Ngày 18 tháng 3 năm 2014

Người lập

Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt

Nguyễn Bình Minh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2013

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

61, 120

TỶ ĐỒNG

THÔNG TIN CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH SỐ

3448/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004
3449/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004

Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân TP. HCM cấp.

GIẤY PHÉP KINH DOANH

4103002955 ngày 15 tháng 12 năm 2004

Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 25 tháng 1 năm 2014. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bình Minh	Phó Chủ tịch
	(từ ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên
	(đến ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên
Ông Võ Hiễn	Thành viên
Ông Tê Trí Dũng	Thành viên
Ông Lương Quang Hiễn	Thành viên
Ông Lê Hùng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Bình Minh	Tổng Giám đốc
	(từ ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Tổng Giám đốc
	(đến ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Ông Nguyễn Bình Minh	Phó Tổng Giám đốc
	(đến ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Ông Đoàn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
	(từ ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Bà Nguyễn Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc
	(từ ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Ông Tạ Phước Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hiễn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Ông Lê Xuân Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Phương Loan	Thành viên
Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên

TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ

68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 60 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Bình Minh
Tổng Giám đốc

TP. HCM, ngày 18 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street,
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax + 84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

Kính gửi các cổ đông

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con (“được gọi chung là Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 6 đến 60.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại TP. HCM, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 13-01-307



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

TP. HCM, ngày 18 tháng 3 năm 2014

Chang Hung Chun

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0863-2013-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
Mẫu B 01 - DN/HN

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140+ 150)	100		904.383.830.530	747.081.796.641
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	187.157.793.659	222.128.381.716
Tiền	111		160.727.048.497	102.304.749.716
Các khoản tương đương tiền	112		26.430.745.162	119.823.632.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	42.675.353.904	12.882.052.543
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		61.956.188.543	54.802.052.543
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(19.280.834.639)	(41.920.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	322.176.581.309	229.518.139.126
Phải thu khách hàng	131		182.247.915.338	129.633.958.381
Trả trước cho người bán	132		110.790.187.857	33.607.945.565
Các khoản phải thu khác	135		29.167.537.174	66.817.856.373
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(29.059.060)	(541.621.193)
Hàng tồn kho	140	8	327.294.943.521	250.708.828.148
Hàng tồn kho	141		329.859.439.689	254.292.384.761
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.564.496.168)	(3.583.556.613)
Tài sản ngắn hạn khác	150		25.079.158.137	31.844.395.108
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.110.255.889	5.490.505.593
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.879.275.692	7.738.213.381
Thuế phải thu Nhà nước	154		714.911.865	146.198.012
Tài sản nắm giữ chờ thanh lý		9	780.166.147	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		14.594.548.544	18.469.478.122

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.901.432.002.573	1.967.497.112.755
Các khoản phải thu dài hạn	210	7	4.345.621.247	10.243.477.357
Phải thu dài hạn khác	218		4.345.621.247	10.243.477.357
Tài sản cố định	220		783.651.895.915	678.150.706.078
Tài sản cố định hữu hình	221	10	120.457.119.269	136.942.499.397
<i>Nguyên giá</i>	222		190.038.973.990	197.565.257.446
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(69.581.854.721)	(60.622.758.049)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	11	1.974.158.868	2.843.865.888
<i>Nguyên giá</i>	225		5.280.483.547	5.280.483.547
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(3.306.324.679)	(2.436.617.659)
Tài sản cố định vô hình	227	12	44.434.270.003	45.755.313.252
<i>Nguyên giá</i>	228		53.263.288.840	53.234.671.840
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(8.829.018.837)	(7.479.358.588)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	13	616.786.347.775	492.609.027.541
Bất động sản đầu tư	240	14	765.790.945.029	789.761.318.322
<i>Nguyên giá</i>	241		854.040.766.295	852.876.235.162
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(88.249.821.266)	(63.114.916.840)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	15	273.950.703.616	392.762.709.744
Đầu tư vào công ty liên kết	252		87.569.378.997	92.508.120.585
Đầu tư dài hạn khác	258		189.320.158.630	313.846.191.920
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(2.938.834.011)	(13.591.602.761)
Tài sản dài hạn khác	260		73.692.836.766	96.578.901.254
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	45.257.021.973	58.368.910.916
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	35	2.669.442.312	4.435.223.646
Tài sản dài hạn khác	268		25.766.372.481	33.600.828.731
Lợi thế thương mại	269		-	173.937.961
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.805.815.833.103	2.714.578.909.396

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
Mẫu B 01 - DN/HN

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.888.334.348.278	1.812.117.315.097
Nợ ngắn hạn	310		1.080.265.978.973	908.774.572.171
Vay ngắn hạn	311	17	478.290.058.679	443.331.700.741
Phải trả thương mại	312		109.602.109.423	123.557.324.741
Người mua trả tiền trước	313	18	228.420.211.506	111.015.570.172
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	28.913.488.080	38.022.554.914
Phải trả người lao động	315		67.918.393.954	52.890.709.012
Chi phí phải trả	316	20	23.708.971.886	33.272.350.669
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	136.887.652.266	100.034.371.577
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	22	6.525.093.179	6.649.990.345
Nợ dài hạn	330		808.068.369.305	903.342.742.926
Phải trả dài hạn khác	333	23	185.196.226.578	218.497.259.192
Vay dài hạn	334	24	502.209.827.703	560.910.473.936
Doanh thu chưa thực hiện	338	25	120.662.315.024	123.935.009.798
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		741.609.750.122	733.037.908.229
Vốn chủ sở hữu	410	26	741.609.750.122	733.037.908.229
Vốn cổ phần	411	27	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	414	27	(690.474.358)	(690.474.358)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		5.093.483.305	5.093.483.305
Quỹ đầu tư và phát triển	417		19.172.474.946	18.718.976.700
Quỹ dự phòng tài chính	418		18.472.324.897	17.802.254.521
Lợi nhuận chưa phân phối	420		132.541.353.029	125.093.079.758
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	28	175.871.734.703	169.423.686.070
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		2.805.815.833.103	2.714.578.909.396

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ trong tiền		
USD	871	1.284
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba – được trình bày bằng VND	90.571.650.672	24.950.826.466

Ngày 18 tháng 3 năm 2014

Người lập

Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt

Nguyễn Bình Minh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02 - DN/HN

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu	01	29	6.595.628.151.519	5.433.311.343.732
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	(13.262.568.762)	(19.236.013.145)
Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)	10	29	6.582.365.582.757	5.414.075.330.587
Giá vốn hàng bán	11	30	(6.186.678.221.044)	(5.029.510.240.979)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		395.687.361.713	384.565.089.608
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	44.459.960.054	28.000.371.572
Chi phí tài chính	22	32	(84.771.832.677)	(183.126.681.603)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(88.158.375.350)	(150.237.362.999)
Chi phí bán hàng	24		(169.500.322.431)	(171.735.808.169)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(147.305.933.640)	(150.001.408.988)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)	30		38.569.233.019	(92.298.437.580)
Thu nhập khác	31	33	50.189.951.018	157.672.850.479
Chi phí khác	32	34	(8.007.359.940)	(10.070.265.819)
Lợi nhuận từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		42.182.591.078	147.602.584.660
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết	41	15	3.959.616.144	6.191.891.525
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		84.711.440.241	61.496.038.605
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	(21.825.335.773)	(13.587.740.292)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	35	(1.765.781.334)	(1.147.074.135)
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)	60		61.120.323.134	46.761.224.178

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)	60		61.120.323.134	46.761.224.178
Phân bổ cho:				
Các cổ đông thiểu số	61	28	19.948.253.386	1.916.041.556
Các cổ đông của Công ty	62		41.172.069.748	44.845.182.622
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1.648	1.796

Ngày 18 tháng 3 năm 2014

Người lập

Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt

Nguyễn Bình Minh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN/HN

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		84.711.440.241	61.496.038.605
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		46.681.441.190	47.141.651.297
Các khoản dự phòng	03		(7.957.655.999)	(2.190.922.172)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(673.454.534)	(1.323.371.059)
Lãi từ thanh lý bất động sản đầu tư	05		-	(4.162.663.573)
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác	05		(464.673.782)	-
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	05		-	13.116.458.898
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi	05		(14.651.666.633)	(14.795.042.917)
Thu nhập từ các công ty liên kết			(3.959.616.144)	(6.191.891.525)
Chi phí lãi vay	06		88.158.375.350	150.237.362.999
Xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang			286.527.273	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		192.130.716.962	243.327.620.553
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		23.844.777.067	(7.415.902.926)
Biến động hàng tồn kho	10		(77.503.255.618)	67.030.587.263
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		70.995.158.019	(80.422.727.271)
Biến động chi phí trả trước	12		17.426.059.760	11.572.763.081
			226.893.456.190	234.092.340.700
Tiền lãi vay đã trả	13		(88.771.700.134)	(151.153.530.579)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(32.133.924.605)	(12.033.294.739)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		9.460.449.421	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8.537.138.424)	(18.238.499.584)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		106.911.142.448	52.667.015.798
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(128.913.651.064)	(152.226.753.485)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		5.564.609.094	5.662.687.299
Tiền thu từ thanh lý bất động sản đầu tư	22		-	11.346.006.102
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vào chứng khoán			6.570.300.000	152.339.211.000

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2013 VND	2012 VND
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(2.740.795.979)	-
Tiền thu từ thanh lý đầu tư vào các đơn vị khác			1.960.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		14.774.724.908	14.795.042.917
Tiền thu hồi từ/(tiền chi cho) tài sản dài hạn khác			13.906.250.321	(5.954.323.279)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(82.296.081.128)	25.961.870.554
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		2.980.813.258.415	3.209.332.127.206
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.003.651.529.110)	(3.150.967.875.720)
Tiền thu từ vốn phát hành bởi công ty con cho cổ đông thiểu số			3.200.000.000	23.402.800.000
Tiền chi trả cho nợ thuê tài chính	35		(904.017.600)	(2.260.533.501)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	36		(24.655.691.150)	(37.463.260.500)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông thiểu số của công ty con			(14.387.669.932)	(10.717.100.095)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(59.585.649.377)	31.326.157.390
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(34.970.588.057)	109.955.043.742
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		222.128.381.716	112.173.337.974
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	187.157.793.659	222.128.381.716

Ngày 18 tháng 3 năm 2014

Người lập

Người duyệt

Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Nguyễn Bình Minh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

01 ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân TP. HCM cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày. Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ và thương mại: tổ chức hệ thống kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng của Toyota, Ford, GM, Suzuki, Hyundai, SYM, Yamaha; cung cấp các dịch vụ đa dạng theo tiêu chuẩn quốc tế; cung cấp dịch vụ taxi;
- Dịch vụ bất động sản: đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại, căn hộ, khu biệt thự, khu nghỉ dưỡng cao cấp;
- Dịch vụ tài chính: đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên kết và vào cổ phiếu của các đơn vị khác hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, bất động sản, cơ sở hạ tầng và tài chính.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Công ty, các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn có 1.791 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.568 nhân viên).

02 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

03 TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của công ty con đó. Khi đánh giá kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

(ii) Các công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi các khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả thay cho các công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn

(i) Phân loại

Tập đoàn phân loại đầu tư vào chứng khoán đã niêm yết và chưa niêm yết là đầu tư ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo dự định và chiến lược đầu tư của Tập đoàn với những công ty là đối tượng đầu tư.

(ii) Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản của hợp đồng đầu tư (hạch toán theo ngày giao dịch).

(iii) Xác định giá trị

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền.

(iv) Giảm giá

Dự phòng giảm giá chứng khoán đã niêm yết được lập dựa trên quy định hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(v) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi và các luồng tiền từ khoản nhận đầu tư đã hết hoặc Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với hàng hóa và bình quân gia quyền đối với các khoản mục khác và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| • Nhà cửa | 6 – 42 năm |
| • máy móc và thiết bị | 4 - 8 năm |
| • thiết bị văn phòng | 2 – 10 năm |
| • phương tiện vận chuyển | 5 - 6 năm |
| • khác | 3 - 5 năm |

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng. Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 20 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 4 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

(k) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 18 – 50 năm
- nhà cửa 5 – 36 năm

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 8 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(m) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(n) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự tính phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(p) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính. Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Các tài sản tài chính khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất được phân loại là các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Tất cả các khoản nợ phải trả tài chính trên bảng cân đối kế toán hợp nhất được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(s) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(t) Doanh thu tài chính

(i) Doanh thu từ lãi tiền gửi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) **Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán**

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) **Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(u) **Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(v) **Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản và bất động sản đầu tư đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hoá vào nguyên giá các tài sản này.

(w) **Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Tập đoàn không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

(x) **Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tập đoàn, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được khác với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất.

(y) **Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

BÁO CÁO BỘ PHẬN

04

	DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI			DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN			DỊCH VỤ TÀI CHÍNH			TỔNG		
	31/12/2013	31/12/2012	VND	31/12/2013	31/12/2012	VND	31/12/2013	31/12/2012	VND	31/12/2013	31/12/2012	VND
Cho năm kết thúc ngày:												
Doanh thu bộ phận	6.442.820.038.130	5.121.421.334.803		211.596.879.959	451.417.333.405		3.314.959.315	17.147.987.958		6.657.731.877.404	5.589.986.656.166	
Chi phí trực tiếp của bộ phận	(6.398.105.977.776)	(5.129.203.717.009)		(186.352.494.452)	(367.604.571.828)		(3.797.837.564)	(37.565.900.902)		(6.588.256.309.792)	(5.534.374.139.739)	
Lợi nhuận của bộ phận kinh doanh	44.714.060.354	(7.782.382.206)		25.244.385.507	83.812.811.577		(482.878.249)	(20.417.912.944)		69.475.567.612	55.612.516.427	
Doanh thu không phân bổ										23.243.232.569	15.953.787.997	
Chi phí không phân bổ										(8.007.359.940)	(10.070.265.819)	
										84.711.440.241	61.496.038.605	

Tài sản												
Tài sản ngắn hạn	728.051.797.995	494.412.960.475		133.055.165.453	296.504.746.093		43.276.867.082	16.164.090.073		904.383.830.530	747.081.796.641	
Tài sản dài hạn	277.956.477.420	782.940.024.149		1.619.548.268.841	1.145.872.526.787		1.257.814.000	34.249.338.173		1.898.762.560.261	1.963.061.889.109	
Tài sản không phân bổ	-	-		-	-		-	-		2.669.442.312	4.435.223.646	
	1.006.008.275.415	1.217.352.984.624		1.752.603.434.294	1.442.377.272.880		44.534.681.082	50.413.428.246		2.805.815.833.103	2.714.578.909.396	

Nợ phải trả												
Nợ ngắn hạn	599.095.088.451	823.482.927.952		453.339.548.291	81.295.998.524		27.831.342.231	12.097.744.768		1.080.265.978.973	916.876.671.244	
Nợ dài hạn	69.768.437.880	48.994.250.102		738.299.931.425	846.246.393.751		-	-		808.068.369.305	895.240.643.853	
	668.863.526.331	872.477.178.054		1.191.639.479.716	927.542.392.275		27.831.342.231	12.097.744.768		1.888.334.348.278	1.812.117.315.097	

	DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI			DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN			DỊCH VỤ TÀI CHÍNH			TỔNG		
	31/12/2013	31/12/2012	VND	31/12/2013	31/12/2012	VND	31/12/2013	31/12/2012	VND	31/12/2013	31/12/2012	VND
Cho năm kết thúc ngày:												
Khấu hao và phân bổ	21.546.536.764	28.225.207.471		25.134.904.426	18.916.443.826		-	-		46.681.441.190	47.141.651.297	
Các khoản dự phòng	404.578.112	(163.467.743)		-	-		(8.362.234.111)	(2.027.454.429)		(7.957.655.999)	(2.190.922.172)	
Mua tài sản cố định	10.941.505.450	21.375.974.756		117.972.145.614	130.850.778.729		-	-		128.913.651.064	152.226.753.485	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

05 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	7.572.387.045	8.469.381.004
Tiền gửi ngân hàng	152.619.955.702	93.043.379.985
Tiền đang chuyển	534.705.750	791.988.727
Các khoản tương đương tiền	26.430.745.162	119.823.632.000
	187.157.793.659	222.128.381.716

Trong các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có 26.281 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

06 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư ngắn hạn vào:		
• Cổ phiếu niêm yết	4.338.960.000	31.500.000.000
• Cổ phiếu không niêm yết	57.617.228.543	23.302.052.543
	61.956.188.543	54.802.052.543
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(19.280.834.639)	(41.920.000.000)
	42.675.353.904	12.882.052.543

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản đầu tư vào các cổ phiếu sau:

	31/12/2013	
	SỐ LƯỢNG	VND
Công cụ vốn - đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu của:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Và Xuất Nhập Khẩu Số 2	500.000	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Tổng hợp Điện Lực TP. HCM	1.350.000	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Việt Thái	650.760	8.042.676.000
Công ty Cổ phần Bến Thành Long Hải	691.126	6.772.500.000
Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000
Công ty Cổ phần Bến Thành Non Nước	60.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bến Thành	182.129	3.289.960.000
Công ty Cổ phần Merufa	110.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	50.000	732.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội	30.000	204.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	10.000	113.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	812	2.052.543
	3.814.827	61.956.188.543

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	41.920.000.000	34.555.840.308
Tăng dự phòng trong năm	-	7.364.159.692
Phân loại lại từ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (thuyết minh số 15) (*)	3.262.766.551	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(24.929.700.000)	-
Hoàn nhập	(972.231.912)	-
Số dư cuối năm	19.280.834.639	41.920.000.000

(*) Đây là khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào cổ phiếu của các công ty, được phân loại lại từ đầu tư tài chính dài hạn sang ngắn hạn theo mục đích kinh doanh ngắn hạn đã dự kiến của Ban Tổng Giám đốc.

07 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

Trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm giá trị trả trước để mua nhà cửa và cho công trình xây dựng là 96.773 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 7.710 triệu VND).

Các khoản phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có 1.833 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 123 triệu VND) phải thu từ các bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Mẫu B 09 – DN/HN

08 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng mua đang đi đường	9.475.902.732	1.673.255.245
Vật tư và phụ tùng thay thế	5.675.989.846	27.344.587.718
Sản phẩm dở dang	2.293.214.671	1.666.882.916
Thành phẩm	8.202.267	331.611.805
Hàng hóa	312.210.430.040	223.080.346.944
Hàng gửi đi bán	195.700.133	195.700.133
	329.859.439.689	254.292.384.761
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.564.496.168)	(3.583.556.613)
	327.294.943.521	250.708.828.148

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	3.583.556.613	4.711.852.771
Dự phòng sử dụng trong năm	(101.920.200)	(354.214.900)
Hoàn nhập	(917.140.245)	(774.081.258)
Số dư cuối năm	2.564.496.168	3.583.556.613

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 169.770 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 151.684 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

09 TÀI SẢN NẮM GIỮ CHỜ THANH LÝ

	31/12/2013 VND
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình (thuyết minh số 10)	778.312.277
Chuyển từ tài sản cố định vô hình (thuyết minh số 12)	1.853.870
	780.166.147

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

10

Nguyên giá						
Số dư đầu năm	120.700.805.907	37.383.993.355	9.971.119.167	23.726.059.050	5.783.279.967	197.565.257.446
Tăng trong năm	2.202.293.050	1.382.309.173	478.965.635	8.155.080.329	117.000.000	12.335.648.187
Thanh lý	-	(284.917.918)	-	(7.729.873.314)	-	(8.014.791.232)
Xóa sổ	-	(174.529.251)	(22.907.272)	-	-	(197.436.523)
Phân loại lại sang chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn (*)	(194.722.674)	(4.420.388.578)	(5.039.996.527)	(444.639.655)	(40.943.872)	(10.140.691.306)
Phân loại lại sang tài sản nắm giữ chờ thanh lý (thuyết minh số 9)	-	(915.004.400)	(32.000.000)	(562.008.182)	-	(1.509.012.582)
Số dư cuối năm	122.708.376.283	32.971.462.381	5.355.181.003	23.144.618.228	5.859.336.095	190.038.973.990
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	26.942.546.942	17.591.519.020	6.278.793.181	7.754.946.267	2.054.952.639	60.622.758.049
Khấu hao trong năm	8.126.092.413	5.587.985.919	1.303.745.100	3.413.938.647	811.423.186	19.243.185.265
Thanh lý	-	(284.917.918)	-	(2.838.718.754)	-	(3.123.636.672)
Xóa sổ	-	(174.529.251)	(22.907.272)	-	-	(197.436.523)
Phân loại lại sang chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn (*)	(120.346.575)	(2.545.655.892)	(3.369.416.269)	(166.343.602)	(30.552.755)	(6.232.315.093)
Phân loại lại sang tài sản nắm giữ chờ thanh lý (thuyết minh số 9)	-	(487.309.490)	(16.876.714)	(226.514.101)	-	(730.700.305)
Số dư cuối năm	34.948.292.780	19.687.092.388	4.173.338.026	7.937.308.457	2.835.823.070	69.581.854.721
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	93.758.258.965	19.792.474.335	3.692.325.986	15.971.112.783	3.728.327.328	136.942.499.397
Số dư cuối năm	87.760.083.503	13.284.369.993	1.158.935.705	15.230.217.043	3.023.513.025	120.457.119.269

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn.

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 20.311 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 15.432 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 3.463 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 3.064 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Mẫu B 09 – DN/HN

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH THUÊ TÀI CHÍNH

	THIẾT VỊ VĂN PHÒNG VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	5.280.483.547
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.436.617.659
Khấu hao trong năm	869.707.020
Số dư cuối năm	3.306.324.679
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	2.843.865.888
Số dư cuối năm	1.974.158.868

Vào ngày kết thúc hợp đồng thuê, Tập đoàn có quyền chọn mua thiết bị với giá ưu đãi. Các thiết bị thuê đảm bảo nghĩa vụ thuê.

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHÔNG CÓ THỜI HẠN XÁC ĐỊNH VND	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÓ THỜI HẠN XÁC ĐỊNH VND	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH VND	TỔNG VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	14.634.054.300	36.486.639.190	2.113.978.350	53.234.671.840
Tăng trong năm	-	-	140.000.000	140.000.000
Phân loại lại sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	-	-	(40.000.000)	(40.000.000)
Phân loại lại sang tài sản nằm giữ chờ thanh lý (Thuyết minh số 9)	-	-	(71.383.000)	(71.383.000)
Số dư cuối năm	14.634.054.300	36.486.639.190	2.142.595.350	53.263.288.840
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	6.069.061.516	1.410.297.072	7.479.358.588
Khấu hao trong năm	-	876.700.512	556.943.967	1.433.644.479
Phân loại lại sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	-	-	(14.455.100)	(14.455.100)
Phân loại lại sang tài sản nằm giữ chờ thanh lý (thuyết minh số 9)	-	-	(69.529.130)	(69.529.130)
Số dư cuối năm	-	6.945.762.028	1.883.256.809	8.829.018.837
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	14.634.054.300	30.417.577.674	703.681.278	45.755.313.252
Số dư cuối năm	14.634.054.300	29.540.877.162	259.338.541	44.434.270.003

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là chi phí trả trước ngắn hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 28.540 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 29.182 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

13 XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	492.609.027.541	442.779.830.553
Tăng trong năm	125.997.990.244	130.850.778.729
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.534.142.737)	(76.883.870.875)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(3.081.796.293)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.055.914.573)
Xóa sổ	(286.527.273)	-
Số dư cuối năm	616.786.347.775	492.609.027.541

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 42.864 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 81.978 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 87.749 triệu VND liên quan đến quyền sử dụng đất tại Lô 10 và Lô 19 của Dự án Khu dân cư Tam Bình – Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, TP. HCM (ngày 31 tháng 12 năm 2012: Không) được thế chấp ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn nhưng chưa được giải ngân và bộ chứng từ pháp lý chứng nhận quyền sở hữu đối với các quyền sử dụng đất này đang được ngân hàng nắm giữ.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 18.500 triệu VND (2012: 20.870 triệu VND).

14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VND	NHÀ CỬA VND	TỔNG VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	132.036.608.908	720.839.626.254	852.876.235.162
Tăng trong năm	10.474.134.364	-	10.474.134.364
Điều chỉnh cho đánh giá lại sau khi ghi nhận ban đầu (*)	(9.309.603.231)	-	(9.309.603.231)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.534.142.737	-	1.534.142.737
Thanh lý	(1.534.142.737)	-	(1.534.142.737)
Số dư cuối năm	133.201.140.041	720.839.626.254	854.040.766.295
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	10.026.386.925	53.088.529.915	63.114.916.840
Khấu hao trong năm	4.237.389.780	20.897.514.646	25.134.904.426
Số dư cuối năm	14.263.776.705	73.986.044.561	88.249.821.266
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	122.010.221.983	667.751.096.339	789.761.318.322
Số dư cuối năm	118.937.363.336	646.853.581.693	765.790.945.029

(*) Điều chỉnh thể hiện giảm nguyên giá Cao ốc Văn phòng HMTC-SAVICO tại số 91 Đường Pasteur, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam, theo biên bản xác nhận vốn góp ngày 20 tháng 12 năm 2013 cho dự án hợp tác kinh doanh giữa Tập đoàn và Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Kinh doanh Nhà TP. HCM.

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn bao gồm các bất động sản cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản với nguyên giá 11.702 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 10.345 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ là 691.559 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 712.721 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

15 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết	87.569.378.997	92.508.120.585
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác	189.320.158.630	313.846.191.920
	276.889.537.627	406.354.312.505
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(2.938.834.011)	(13.591.602.761)
	273.950.703.616	392.762.709.744

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư của Tập đoàn vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh bất động sản.

Biến động giá trị đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	92.508.120.585	169.375.402.896
Đầu tư mới	83.050.436	-
Thu nhập từ lợi nhuận thuần của công ty liên kết (sau thuế thu nhập doanh nghiệp)	3.959.616.144	6.191.891.525
Cổ tức từ công ty liên kết	(7.021.408.168)	(6.449.899.934)
Thanh lý một phần công ty liên kết	(1.960.000.000)	-
Phân loại sang các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác	-	(76.603.904.624)
Khác	-	(5.369.278)
	87.569.378.997	92.508.120.585

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	13.591.602.761	14.136.258.934
Phân loại lại sang dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (thuyết minh số 6)	(3.262.766.551)	-
Hoàn nhập	(7.390.002.199)	(544.656.173)
Số dư cuối năm	2.938.834.011	13.591.602.761

Trong năm, Tập đoàn đã giải thể một công ty con – Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn (SSC) vào ngày 31 tháng 10 năm 2013. Lỗ phát sinh do việc giải thể này là 1.314.607 VND.

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

TÊN	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ	% QUYỀN SỞ HỮU	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty ComfortDelgro SAVICO Taxi	Điều hành dịch vụ vận tải bằng taxi và các dịch vụ khác có liên quan tại Việt Nam.	Giấy phép Đầu tư số 824/GP-HCM do Ủy Ban Nhân Dân TP. HCM cấp ngày 28 tháng 3 năm 2005.	40.03%	31.869.886.914	33.812.944.178
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 044937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16 tháng 6 năm 1998 và được điều chỉnh ngày 25 tháng 6 năm 2007.	40.27%	6.602.937.626	7.878.707.936
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4103001903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003 và được điều chỉnh ngày 14 tháng 7 năm 2005 và ngày 14 tháng 11 năm 2007.	35.16%	45.223.981.109	44.506.124.407
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội	Kinh doanh, cung cấp dịch vụ tư vấn và đấu thầu bất động sản, quảng cáo.	Giấy phép Kinh doanh số 0309535441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp ngày 4 tháng 1 năm 2010.	49%	1.189.007.367	3.143.929.045
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành SAVICO	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu SYM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4102036521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp ngày 25 tháng 1 năm 2006.	37.33%	1.566.141.297	2.132.040.771
Công ty Cổ phần Siêu xe	Chuyên cung cấp phụ tùng, phụ kiện, trang trí nội thất xe ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4103008825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007 và điều chỉnh ngày 6 tháng 3 năm 2008.	37.5%	1.117.424.684	1.034.374.248
				87.569.378.997	92.508.120.585

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Mẫu B 09 – DN/HN

16 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí trả trước cho Dự án Phan Văn Trị	21.625.947.843	22.898.062.419
Công cụ và dụng cụ	8.509.899.125	11.744.389.040
Chi phí thuê đất trả trước	7.129.577.909	12.286.994.105
Chi phí sửa chữa	4.713.180.364	5.487.530.361
Chi phí khác	3.278.416.732	5.951.934.991
	45.257.021.973	58.368.910.916

17 VAY NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay bằng VND	427.896.227.651	404.166.092.017
Nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số 24)	50.393.831.028	39.165.608.724
	478.290.058.679	443.331.700.741

Trong vay ngắn hạn có 179.208 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 148.193 triệu VND) vay không đảm bảo và 248.688 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 255.973 triệu VND) đảm bảo bằng tài sản có giá trị ghi sổ là 231.824 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 194.862 triệu VND).

Vay ngắn hạn chịu lãi suất dao động từ 1,8% đến 14% (2012: từ 3,7% đến 19,9%) một năm.

18 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Người mua trả tiền trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm 145.031 triệu VND từ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh cho việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong Dự án Khu dân cư Tam Bình – Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, TP. HCM và 23.650 triệu VND từ Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Ấn Điện cho việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong Dự án Nam Sài Gòn, Quận 7, TP. HCM (ngày 31 tháng 12 năm 2012: Không).

19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.695.785.030	8.471.654.276
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.459.386.156	17.767.974.988
Thuế thu nhập cá nhân	3.440.776.366	3.833.231.140
Các khoản phải nộp khác	13.317.540.528	7.949.694.510
	28.913.488.080	38.022.554.914

20 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí lãi vay	4.109.865.760	4.723.190.544
Chi phí thuê	360.965.451	2.504.281.507
Chi phí lương và các chi phí liên quan	2.720.000.000	1.863.000.000
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	9.515.595.775	9.936.965.875
Chi phí hoạt động	1.572.108.775	8.796.711.153
Các chi phí khác	5.430.436.125	5.448.201.590
	23.708.971.886	33.272.350.669

21 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

Trong các khoản phải trả, phải nộp khác có vay từ các bên liên quan là 5.044 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 27.000 triệu VND) chịu lãi suất 12% (2012: 12,5%) một năm.

22 QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	6.649.990.345	7.853.501.673
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	6.821.011.046	9.708.914.906
Sử dụng quỹ trong năm	(6.945.908.212)	(10.912.426.234)
Số dư cuối năm	6.525.093.179	6.649.990.345

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

23 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ký quỹ dài hạn nhận được	61.400.248.429	62.558.014.976
Phải trả dài hạn khác	123.795.978.149	155.939.244.216
	185.196.226.578	218.497.259.192

Phải trả dài hạn khác thể hiện số tiền nhận góp vốn từ các đối tác để tham gia vào các dự án bất động sản của Tập đoàn và không chịu lãi.

24 VAY DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn bằng VND	451.277.611.467	497.846.017.796
Trái phiếu dài hạn phát hành	100.000.000.000	100.000.000.000
	551.277.611.467	597.846.017.796
Nợ thuê tài chính (*)	1.326.047.264	2.230.064.864
	552.603.658.731	600.076.082.660
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh số 17)	(50.393.831.028)	(39.165.608.724)
Hoàn trả sau 12 tháng	502.209.827.703	560.910.473.936

Trong các khoản vay dài hạn có 20.963 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 29.702 triệu VND) vay không đảm bảo và 430.315 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 468.173 triệu VND) vay có đảm bảo bằng tài sản có giá trị ghi sổ 656.505 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 751.845 triệu VND). Các khoản vay dài hạn chịu lãi suất dao động từ 3% đến 18% (2012: từ 5,95% đến 22,75%) một năm.

Trái phiếu dài hạn được phát hành vào tháng 7 năm 2010 theo mệnh giá. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào tháng 7 năm 2015 và được hoàn trả theo mệnh giá. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng tài sản có giá trị ghi sổ là 74.148 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 75.100 triệu VND), và chịu lãi suất 12,3% (2012: 15%) một năm.

(*) Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê tài chính không được hủy ngang như sau:

	31/12/2013 VND			31/12/2012 VND		
	TỔNG KHOẢN THANH TOÁN TIỀN THUÊ TÀI CHÍNH	TRẢ TIỀN LÃI	TRẢ NỢ GỐC	TỔNG KHOẢN THANH TOÁN TIỀN THUÊ TÀI CHÍNH	TRẢ TIỀN LÃI	TRẢ NỢ GỐC
Trong vòng một năm	1.032.498.125	128.480.525	904.017.600	1.271.773.364	367.755.764	904.017.600
Từ hai đến năm năm	435.250.591	13.220.927	422.029.664	1.538.986.463	212.939.199	1.326.047.264
	1.467.748.716	141.701.452	1.326.047.264	2.810.759.827	580.694.963	2.230.064.864

25 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Doanh thu từ cho thuê văn phòng	109.727.200.000	115.832.910.725
Doanh thu từ dịch vụ bảo hành và chăm sóc khách hàng	10.508.238.412	8.102.099.073
Doanh thu cho thực hiện khác	426.876.612	-
	120.662.315.024	123.935.009.798

THUYẾT MINH BÁO CÁO

TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

26THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	VỐN CỔ PHẦN VND	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN VND	CỔ PHIẾU QUỸ VND	CHÉNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOẢI VND	QUỸ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VND	QUỸ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH VND	LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI VND	TỔNG VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	18.684.019.711	17.685.506.194	133.184.818.876	740.977.942.031
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	44.845.182.622	44.845.182.622
Trích các quỹ	-	-	-	-	1.139.119.795	942.924.449	(2.082.044.244)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(9.708.914.906)	(9.708.914.906)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(1.104.162.806)	(826.176.122)	-	(1.930.338.928)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(37.463.260.500)	(37.463.260.500)
Thù lao và quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(3.682.702.090)	(3.682.702.090)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	18.718.976.700	17.802.254.521	125.093.079.758	733.037.908.229
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	41.172.069.748	41.172.069.748
Trích các quỹ	-	-	-	-	453.498.246	670.070.376	(1.123.568.622)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(5.703.797.466)	(5.703.797.466)
Cổ tức (thuyết minh số 39)	-	-	-	-	-	-	(24.975.507.000)	(24.975.507.000)
Thù lao và quỹ thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(1.591.230.212)	(1.591.230.212)
Các khoản giảm khác	-	-	-	-	-	-	(329.693.177)	(329.693.177)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	5.093.483.305	19.172.474.946	18.472.324.897	132.541.353.029	741.609.750.122

27

VỐN CỔ PHẦN

	31/12/2013		31/12/2012	
	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	VND	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	VND
Cổ phiếu phổ thông được phép lưu hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu quỹ	(20.066)	(690.474.358)	(20.066)	(690.474.358)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	249.265.255.642	24.975.507	249.265.255.642

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

28

LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	169.423.686.070	155.568.784.473
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông thiểu số trong năm	19.948.253.386	1.916.041.556
Vốn góp trong năm	3.200.000.000	23.402.800.000
Cổ tức	(14.387.669.932)	(10.717.100.095)
Quỹ khen thưởng và phúc lợi phân bổ cho cổ đông thiểu số	(1.117.213.580)	(619.423.545)
Khác	(1.195.321.241)	(127.416.319)
Số dư cuối năm	175.871.734.703	169.423.686.070

29

TỔNG DOANH THU

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu		
• Bán hàng	6.004.020.446.119	4.841.493.025.869
• Dịch vụ	500.894.137.768	450.896.921.630
• Dịch vụ bất động sản đầu tư	89.627.092.870	129.575.390.131
• Doanh thu từ bất động sản	1.086.474.762	11.346.006.102
	6.595.628.151.519	5.433.311.343.732
Các khoản giảm trừ doanh thu	(13.262.568.762)	(19.236.013.145)
Doanh thu thuần	6.582.365.582.757	5.414.075.330.587

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Mẫu B 09 – DN/HN

30 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2013 VND	2012 VND
Hàng hóa đã bán	5.812.963.217.119	4.683.151.369.313
Dịch vụ cung cấp	347.963.097.007	327.649.181.274
Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư	25.134.904.426	12.300.429.121
Giá vốn bất động sản đầu tư	1.534.142.737	7.183.342.529
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(917.140.245)	(774.081.258)
	6.186.678.221.044	5.029.510.240.979

31 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013 VND	2012 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	11.664.362.233	6.345.634.017
Lãi từ kinh doanh chứng khoán	44.623.519	6.890.172.740
Cổ tức	2.987.304.400	8.449.408.900
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.116.361.849	2.160.968.786
Doanh thu tài chính khác	28.647.308.053	4.154.187.129
	44.459.960.054	28.000.371.572

32 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013 VND	2012 VND
Chi phí lãi vay	88.158.375.350	150.237.362.999
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	188.345.937	20.006.631.638
Chi phí kinh doanh chứng khoán	37.734.791	2.690.831.840
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái (Hoàn nhập)/tăng dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	2.069.559.119 (8.362.234.111)	1.024.013.983 6.819.503.519
Các chi phí tài chính khác	2.680.051.591	2.348.337.624
	84.771.832.677	183.126.681.603

33 THU NHẬP KHÁC

	2013 VND	2012 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	5.564.609.094	5.662.687.299
Hoa hồng từ các đơn vị khác	15.449.997.759	10.446.547.476
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	11.496.720.690	16.160.452.272
Thu nhập từ Dự án SAVICO-Vinaland	-	47.046.852.000
Lãi từ thanh lý một phần đầu tư vào SAVICO-Vinaland	10.400.000.000	36.930.300.000
Thu nhập từ một khách hàng do hủy hợp đồng	-	30.000.000.000
Thu nhập từ một khách hàng do vi phạm hợp đồng	1.132.170.000	1.134.910.734
Các thu nhập khác	6.146.453.475	10.291.100.698
	50.189.951.018	157.672.850.479

34 CHI PHÍ KHÁC

	2013 VND	2012 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được thanh lý	4.891.154.560	4.339.316.240
Các chi phí khác	3.116.205.380	5.730.949.579
	8.007.359.940	10.070.265.819

35 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Các khoản dự phòng	27.282.888	-
Chi phí phải trả	2.642.159.424	4.435.223.646
	2.669.442.312	4.435.223.646

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2013 VND	2012 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	21.621.412.008	15.906.101.750
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	203.923.765	(2.318.361.458)
	21.825.335.773	13.587.740.292
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(2.493.705.148)	(4.280.378.541)
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	4.259.486.482	377.008.202
Lỗ tính thuế mang sang được sử dụng	-	3.476.940.507
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	1.573.503.967
	1.765.781.334	1.147.074.135
Chi phí thuế thu nhập	23.591.117.107	14.734.814.427

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	84.711.440.241	61.496.038.605
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	21.177.860.059	15.374.009.651
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	-	(280.199.583)
Chi phí không khấu trừ thuế	1.413.222.555	2.479.884.432
Thu nhập không chịu thuế	(2.830.029.716)	(2.112.352.225)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không ghi nhận	1.926.461.145	18.329.643
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	1.573.503.967
Nợ thuế thu nhập hoãn lại không ghi nhận trên dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào công ty con và công ty liên kết	(2.161.863.172)	-
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	3.861.542.471	-
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	203.923.765	(2.318.361.458)
Chi phí thuế thu nhập	23.591.117.107	14.734.814.427

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được một số công ty con ghi nhận trên lỗ tính thuế vì các công ty con này không chắc chắn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng lợi ích của các khoản lỗ tính thuế này.

(d) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất phổ biến được áp dụng cho các doanh nghiệp tại Việt Nam, hiện nay bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

36 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành. được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	41.172.069.748	44.845.182.622

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông

	2013 Số lượng cổ phiếu	2012 Số lượng cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm và cuối năm	24.975.507	24.975.507

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

37 CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường;

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) **Khung quản lý rủi ro**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

(i) **Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	179.585.406.614	213.659.000.712
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn	(iii)	215.732.014.699	206.153.670.918
		395.317.421.313	419.812.671.630

(ii) **Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) **Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Phải thu thương mại và các khoản phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn – chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn – tại thời điểm cuối năm như sau:

	GỘP 31/12/2013 VND	DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI 31/12/2013 VND	GỘP 31/12/2012 VND	DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI 31/12/2012 VND
Không quá hạn	205.782.930.152	-	130.165.030.290	-
Quá hạn từ 0 đến 30 ngày	3.482.247.187	-	56.079.659.957	-
Quá hạn từ 31 đến 180 ngày	6.321.104.019	13.927.195	15.833.149.524	-
Quá hạn trên 180 ngày	174.792.401	15.131.865	4.617.452.340	541.621.193
	215.761.073.759	29.059.060	206.695.292.111	541.621.193

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Đầu năm	541.621.193	681.934.439
Dự phòng sử dụng trong năm	(78.424.778)	(140.313.246)
Hoàn nhập	(434.137.355)	-
Số dư cuối năm	29.059.060	541.621.193

(c) **Rủi ro thanh toán**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	GIÁ TRỊ GHI SỐ VND	DÒNG TIỀN THEO HỢP ĐỒNG VND	TRONG VÒNG 1 NĂM VND	1 – 2 NĂM VND	2 – 5 NĂM VND	TRÊN 5 NĂM VND
Vay ngắn hạn	478.290.058.679	419.496.407.629	419.496.407.629	-	-	-
Phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp khác	246.489.761.689	339.478.087.247	339.478.087.247	-	-	-
Phải trả người lao động	67.918.393.954	67.918.393.954	67.918.393.954	-	-	-
Chi phí phải trả	23.708.971.886	23.708.971.886	23.708.971.886	-	-	-
Trái phiếu dài hạn phát hành	100.000.000.000	119.133.333.333	12.470.833.333	106.662.500.000	-	-
Vay dài hạn và thuê tài chính	402.209.827.703	580.523.861.908	68.815.820.665	110.515.945.439	283.787.434.532	117.404.661.272
Nợ dài hạn khác	185.196.226.578	185.196.226.578	123.277.170.713	11.648.913.120	-	50.270.142.745
	1.503.813.240.489	1.735.455.282.535	1.055.165.685.427	228.827.358.559	283.787.434.532	167.674.804.017

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	GIÁ TRỊ GHI SỐ VND	DÒNG TIỀN THEO HỢP ĐỒNG VND	TRONG VÒNG 1 NĂM VND	1 – 2 NĂM VND	2 – 5 NĂM VND	TRÊN 5 NĂM VND
Vay ngắn hạn	443.331.700.741	457.057.332.877	457.057.332.877	-	-	-
Phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp khác	223.591.696.318	223.591.696.318	223.591.696.318	-	-	-
Phải trả người lao động	52.890.709.012	52.890.709.012	52.890.709.012	-	-	-
Chi phí phải trả	33.272.350.669	33.272.350.669	33.272.350.669	-	-	-
Trái phiếu dài hạn phát hành	100.000.000.000	138.541.666.666	15.208.333.333	15.208.333.333	108.125.000.000	-
Vay dài hạn và thuê tài chính	460.910.473.936	765.825.868.927	53.966.680.460	124.439.796.417	364.257.604.437	223.161.787.613
Nợ dài hạn khác	218.497.259.192	218.497.259.192	80.389.547.152	90.795.607.856	-	47.312.104.184
	1.532.494.189.868	1.889.676.883.661	916.376.649.821	230.443.737.606	472.382.604.437	270.473.891.797

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn.

(d) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) **Rủi ro hối đoái**

Tập đoàn có rủi ro hối đoái từ các giao dịch đầu tư bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn, VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Tập đoàn có các khoản (nợ phải trả)/tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng rủi ro hối đoái như sau:

	31/12/2013 USD	31/12/2012 USD
Tiền	871	1.284
Các khoản phải thu khác	-	1.767.000
Phải trả dài hạn khác	(341.300)	(353.300)
	(340.429)	1.414.984

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	TỶ GIÁ TẠI NGÀY 31/12/2013 VND	TỶ GIÁ TẠI NGÀY 31/12/2012 VND
1 USD	21.085	20.815

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn, sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, là không đáng kể.

(ii) **Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	GIÁ TRỊ GHI SỐ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	26.430.745.162	119.823.632.000
Vay ngắn hạn	(104.845.278.076)	(77.837.412.168)
Các khoản phải trả, phải nộp khác	(5.000.000.000)	(27.000.000.000)
Vay dài hạn	(402.209.827.703)	(460.910.473.936)
	(485.624.360.617)	(445.924.254.104)

Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	152.619.955.702	93.043.379.985
Vay ngắn hạn	(373.444.780.603)	(365.494.288.573)
Các khoản phải trả, phải nộp khác	(3.000.000.000)	(10.321.750.000)
Trái phiếu dài hạn phát hành	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)
	(323.824.824.901)	(382.772.658.588)

Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm lợi nhuận thuần của Tập đoàn giảm đi 2.429 triệu VND (2012: 2.871 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Mẫu B 09 – DN/HN

(e) **Giá trị hợp lý**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn – được phân loại là tài sản tài chính nắm giữ để bán; tiền và tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác – được phân loại là các khoản cho vay và phải thu; vay ngắn hạn, phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp khác, phải trả người lao động, chi phí phải trả – được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ không khác biệt nhiều so với giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ này.

Tập đoàn không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn, ký quỹ dài hạn, phải trả dài hạn khác và vay dài hạn nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo Điều 28 của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

38 CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	2013 VND	2012 VND
Tái đầu tư vào công ty con (Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô) bằng cổ tức được chia	-	8.328.000.000
Thu nhập từ thanh lý đầu tư tài chính dài hạn khác (Dự án 56 Bến Vân Đồn) bằng việc cản trừ với các khoản phải trả, phải nộp khác	5.492.492.766	-
Thu nhập từ thanh lý đầu tư tài chính dài hạn khác (Dự án 56 Bến Vân Đồn) bằng việc cản trừ với trả trước cho người bán	78.677.314.301	-

39 CỔ TỨC

Đại hội cổ đông thường niên của Tập đoàn vào ngày 5 tháng 4 năm 2013 đã quyết định chia cổ tức của năm 2012 là 24.976 triệu VND, bằng 10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức.

40 CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Xác định các bên liên quan

Tập đoàn có mối quan hệ liên quan với các công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt. Tập đoàn có các công ty con sau:

	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ	% SỞ HỮU
Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4102001544 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp ngày 30 tháng 6 năm 2000, được điều chỉnh ngày 5 tháng 3 năm 2003, ngày 22 tháng 10 năm 2003, ngày 26 tháng 4 năm 2005 và ngày 9 tháng 10 năm 2010.	52.05%
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP) Company	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 14/GP-HN do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 1998.	51%
Công ty TNHH Đông Đô Thành	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4102014294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003 và được điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003 và ngày 5 tháng 12 năm 2011 và ngày 2 tháng 8 năm 2012.	55%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Mẫu B 09 – DN/HN

	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ	% SỞ HỮU
Công ty Cổ phần Ô tô Thành phố	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0309553786 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp ngày 3 tháng 11 năm 2009 và được điều chỉnh ngày 2 tháng 2 năm 2010 và ngày 24 tháng 9 năm 2012.	51%
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5702001169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 11 tháng 8 năm 2006 và được điều chỉnh ngày 23 tháng 6 năm 2011.	63.64%
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI, HONDA và YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4103007242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 28 tháng 5 năm 2008.	55%
Công ty Cổ phần SAVICO Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe ô tô, cho thuê máy, dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103018056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 6 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 28 tháng 10 năm 2009 và ngày 6 tháng 10 năm 2010.	70%
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Đầu tư số 571022000005 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 18 tháng 4 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 9 tháng 9 năm 2009 và ngày 4 tháng 5 năm 2012.	51%
Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn	Kinh doanh và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy, phụ tùng thay thế; kinh doanh thiết bị điện, vật liệu xây dựng; đại lý ký gửi; cung cấp dịch vụ cho thuê xe ô tô, vận chuyển.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0401337755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 8 tháng 2 năm 2010 và ngày 10 tháng 12 năm 2012.	51%

	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ	% SỞ HỮU
Công ty TNHH SAVICO Vĩnh Long	Kinh doanh xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1500764333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 30 tháng 6 năm 2011 và được điều chỉnh ngày 28 tháng 12 năm 2011 và ngày 6 tháng 12 năm 2012.	51%
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp SAVICO-Mekong	Kinh doanh xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1801231071 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 31 tháng 12 năm 2011 và được điều chỉnh ngày 13 tháng 1 năm 2012.	51%

Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt
Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	2013 VND	2012 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị	2.626.500.000	2.526.000.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	790.000.000	828.000.000
Ban Kiểm soát	112.500.000	120.000.000
	3.529.000.000	3.474.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Mẫu B 09 – DN/HN

Các giao dịch với bên liên quan khác

Trong năm có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	TÍNH CHẤT GIAO DỊCH	2013 VND	2012 VND
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Công ty liên kết	Cổ tức	4.114.170.000	5.142.712.500
		Vay từ công ty liên kết	17.300.000.000	121.500.000.000
		Các chi phí tài chính khác	664.686.111	669.690.757
Công ty Taxi ComfortDelgro SAVICO	Công ty liên kết	Tiền thuê và các chi phí liên quan khác thu từ công ty liên kết	3.056.355.441	2.143.804.600
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành SAVICO	Công ty liên kết	Hoa hồng nhận từ công ty liên kết	1.390.763.000	1.070.045.499
		Cổ tức	168.000.000	-
		Cho công ty liên kết vay	500.000.000	-
		Thu nhập tài chính khác	14.431.944	-
Công ty Cổ phần Dana	Công ty liên kết	Cổ tức	2.739.238.168	906.075.000
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội	Công ty liên kết	Cổ tức	-	401.674.934

41 CAM KẾT THUÊ

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	35.080.647.220	40.278.624.329
Từ hai đến năm năm	85.632.134.485	109.276.959.982
Trên năm năm	90.231.479.437	168.501.025.742
	210.944.261.142	318.056.610.053

42 CHI PHÍ THƯƠNG MẠI VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013 VND	2012 VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	6.076.827.013.451	4.930.902.460.889
Chi phí nhân công và nhân viên	212.751.053.950	179.198.266.932
Chi phí khấu hao và phân bổ	46.681.441.190	47.141.651.297
Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.077.004.342	182.225.657.280
Chi phí khác	70.777.671.911	73.932.352.477

Ngày 18 tháng 3 năm 2014

Người lập

Người duyệt

Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Nguyễn Bình Minh
Tổng Giám đốc

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON LIÊN DOANH LIÊN KẾT

HỆ THỐNG SAVICO TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM 28/02/2014

13
CÔNG TY CON

05
CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

CÁC CÔNG TY CON

1. Công ty Cổ Phần SAVICO Hà Nội

• 7- 9 Nguyễn Văn Linh,
P. Gia Thụy, Q. Long Biên, TP. Hà Nội
ĐT: (84.4) 62 888 555 - Fax: (84.4) 62 888 556
Email: info@savicohanoi.com

Đơn vị trực thuộc:

• Trung tâm thương mại Savico Mega Mall
7 - 9 Nguyễn Văn Linh, P. Gia Thụy, Q. Long Biên,
TP. Hà Nội
Web: www.savicomegamall.com

• Công ty TNHH Toyota Long Biên
7 - 9 Nguyễn Văn Linh, Q. Long Biên, TP. Hà Nội
ĐT: (84.4) 62 777 999
Fax: (84.4) 62 777 990/ 62 777 998
Email: info@toyotalongbien.vn

2. Công Ty Cổ Phần SAVICO Đà Nẵng

• 66 Võ Văn Tần, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
ĐT: (84.511) 3647 858 - Fax: (84.511) 3646 517

3. Công ty Liên Doanh Toyota Giải Phóng

• 807 Giải Phóng, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
ĐT: (84.4) 3664 0124
Fax: (84.4) 3664 0127- Hotline: 0902216336
Email: tgp@fpt.vn
Web: www.toyotagiaiphong.com.vn

Công ty LD Toyota Giải Phóng

- Chi nhánh Pháp Vân

• P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
ĐT: (84.4) 3642 5588
Fax: (84.4) 3642 5599 - Hotline: 090 621 6336

4. Công ty TNHH Toyota Cần Thơ

• Lô 20, KĐT Phú An, Quang Trung, Q. Cái Răng,
TP. Cần Thơ
ĐT: (84.710) 391 9919
Fax: (84.710) 391 8899 - Hotline: 093 491 9919
Web: www.toyotacantho.savico.com.vn
toyotacantho.com.vn

5. Công ty TNHH Đông Đô Thành

• 722 Điện Biên Phủ, P. 22, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
ĐT: (84.8) 3512 2 555 - Fax: (84.8) 3512 8 870
Hotline: 093 810 1065 - 091 833 9964
Web: dongdothanh.savico.com.vn
dongdothanh.com

6. Công ty TNHH Sài Gòn Ôtô (Sài Gòn Ford)

• 61A Cao Thắng, P. 3, Q. 3, TP. HCM
ĐT: (84.8) 3818 1458 - Fax: (84.8) 3818 1466
Hotline: 090 746 8686
Email: saigonford@ saigonford.com.vn
Web: www.saigonford.savico.com.vn
www.saigonford.com.vn

Các đơn vị trực thuộc:

• Chi nhánh Phổ Quang:

TT kinh doanh xe cũ & xưởng DV sửa chữa đồng sơn
104 Phổ Quang, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM
ĐT: (84.8) 3844.2947/ 3844.2948
Fax: (84.8) 3844 2896 - Hotline: 093 388 5885
Email: phoquang@saigonford.com.vn

• Sài Gòn Automax:

72 Trần Đình Xu, Q. 1, TP. HCM
ĐT: (84.8) 3838 9508 - Fax: (84.8) 3838 9521
Web: www.mazdabenthanh.com.vn

• Sài Gòn Automax:

295 Bến Chương Dương, Q.1. Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3920 4392 - Fax: (84.8) 3920 4394
Web: http://saigonautomax.bonbanh.com

• Công ty TNHH Đầu tư TMDV Ôtô Cần Thơ:

41A đường 3/2, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều,
TP. Cần Thơ
ĐT: (84.710) 3730 720 / 3730 719
Fax: (84.710) 3.730.716 - Hotline: 0983 839 383
Email: cantho@saigonford.com.vn

7. Công ty CP Bến Thành Ôtô (Ben Thanh Ford)

• 831 Trường Chinh, Q. Tân Phú, TP. HCM
ĐT: (84.8) 3815 7979 - Fax: (84.8) 3815 8989
Hotline: 090 806 1061
Email: benthanhford@ benthanhford.com.vn
Web: benthanhford.savico.com.vn
benthanhford.com.vn

8. Công ty Cổ Phần Ôtô Sông Hàn

Trụ sở chính:

• 86 Duy Tân, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
ĐT: (84.511) 378 3555 - Fax: (84.511) 378 3883
Hotline: 0914 303 555 / 0511 3 783 888

9. Công ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao

Trụ sở chính

• 14 - 16 Trần Hưng Đạo, Q.1, TP. HCM
ĐT: (84.8) 3837 8390 - Fax: (84.8) 3838 6146
Web: saigonngoisao.savico.com.vn
saigonngoisao.com.vn

Các đơn vị trực thuộc:

• 510 Quốc lộ 13, P. Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (84.8) 3726 3 022 / 3726 3023
Fax: (84.8) 3727 3133 - Hotline: 0909 881 994

Các cửa hàng gắn máy:

• Cửa hàng:

3/9 Kha Vạn Cân, P. Linh Trung, Thủ Đức
ĐT: (84.8) 3897 9022

• Cửa hàng:

182 Trần Quốc Thảo , Q. 3, TP HCM
Điện thoại: (84.8) 3931 1142
Fax: (84.8) 3931 2613

• Cửa hàng

379 Quang Trung, Q. Gò Vấp
Điện thoại: (84.8) 6257 9143

10. Công ty TNHH MTV Sài Gòn Phương Nam

• Chuyên doanh xe gắn máy Yamaha

325 Lý Tự Trọng, Q. 1, TP. HCM
ĐT: (84.8) 3822 2615 - Fax: (84.8) 62910324
Web: www.yamahaphuongnam.savico.com.vn

• Chi nhánh

Công ty TNHH MTV Sài Gòn Phương Nam
7 -13 Hải Thượng Lãn Ông, P. 10, Q. 5, TP. HCM
ĐT: (84.8) 3855 4847 - Fax: (84.8) 3855 4847
Web: www.yamahaphuongnam.savico.com.vn

11. Công ty TNHH TM DV Sài Gòn

(Yamaha Cần Thơ)

• 164 - 166C, Đường 3/2, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
ĐT: (84.710) 3780 164 - Fax: (84.710) 3780 166
Web: www.yamahausaigon.savico.com.vn
yamahausaigon.com

Hệ thống phân phối xe gắn máy Yamaha:

• Cửa hàng

164 - 166C, Đường 3/2, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
ĐT: (84.710) 3780 164 – Fax: (84.710) 3780 166

• Cửa hàng

164/1B Trần Ngọc Quế, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
ĐT: (84.710) 378 2982

• Cửa hàng

45 Cách Mạng Tháng Tám, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ
ĐT: (84.710) 378 3979 - Fax: (84.710) 378 3839

12. Công ty TNHH TMDV TH SAVICO MEKONG

Trụ sở chính:

• 55-55B Cách Mạng Tháng Tám, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
ĐT: (84.710) 382 7308 - Fax: (84.710) 382 0205
Hotline: 0914 848 991

Hệ thống phân phối xe gắn máy Suzuki:

• Cửa hàng:

1263/6 Khu vực 4, P. Châu Văn Liêm, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ
ĐT: (84.710) 366 1200

• Chi nhánh:

349/30B Trần Hưng Đạo, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
ĐT: (84.76) 393 5198 - Fax: 393 5098

13. Công ty TNHH SAVICO Vĩnh Long

Chuyên doanh xe gắn máy Yamaha

• 291 Ấp An Nhơn, xã Trung Thành, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long
ĐT: (84.070) 3976 888 - Fax: (84.070) 3976 777

CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

1. Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn (TESC)

507 Xa Lộ Hà Nội, Q. 2, TP. HCM
ĐT: (84.8) 3898 9242 - Fax: (84.8) 3898 9243
Email: tesc@toyotasaigon.com
Web: www.toyotasaigon.savico.com.vn

Đơn vị trực thuộc:

Chi nhánh:

18 Phan Văn Trị, P.7, Q. Gò Vấp, TP. HCM
ĐT: (84.8) 3989 6636 - Fax: (84.8) 3989 6637

• TT xe đã qua sử dụng

18 Phan Văn Trị , P10, Q. Gò Vấp
Điện thoại: (84.8) 3921 2808 - Fax: (84.8) 3921 2809
Hotline: 0918 3305050
Email: usedcar@toyotasaigon.com
Web: www.toyotadaquasudung.com

2. Công ty Cổ Phần Dana - Danaford

Trụ sở chính:

56 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0511. 364 6555 - Fax: 0511. 364 6746
Hotline: 0905 444 888
Email: danaford@ danaford.com.vn
Web: www.dana.com.vn

Các chi nhánh:

• Chi nhánh

Dana Ford Bình Định
73 Tây Sơn, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
ĐT: 056. 3546 555 - Fax: 056. 3546 488
Hotline: 0905 631 666
Email: dongpq@danaford.com.vn

• Chi nhánh

Dana Gia Lai
248 Lê Duẩn, P. Thắng Lợi, TP. Pleiku, Tỉnh Bình Định
ĐT: 0905 089 999

3. Công ty TNHH TMDV Tổng Hợp

Bến Thành - SAVICO

Trụ sở chính:

01 Nguyễn Trãi, P. Bến Thành, Q.1, TP. HCM
ĐT: (84.8) 3938 3687 - Fax: 3933 3075
Email: btsavico@yahoo.com.vn
Web: benthansym.savico.com.vn

• Trung tâm xe gắn máy SYM:

• 66 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 6, Q. 3, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3933 3633
Fax: (84.8) 3933 3075

• Chi nhánh kinh doanh Ôtô SYM

• 48B Phan Văn Trị, P. 7, Q. Gò Vấp
ĐT: (84.8) 3989 9789 - Fax: (84.8) 3989 9448

4. Công ty TNHH Comfort DelGro SAVICO Taxi

• 104 Phố Quang, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM
ĐT: (84.8) 3842 4400 - Fax: (84.8) 3842 4400
Web: comfortsavico.com.vn / comfortsavico@vnn.vn

5. Công ty TNHH SAVICO - Vinaland

• 115 - 117 Hồ Tùng Mậu, Q. 1, TP. HCM
ĐT: (84.8) 3526 5835 - Fax: (84.8) 3526 5834

CÔNG TY SAVICO GÓP VỐN KINH DOANH

1. Công ty CP Thương Mại Dịch Vụ

Bến Thành (TSC)

• 120 - 121 Bến Chương Dương, Q. 1, TP. HCM
ĐT: (84.8) 3823 6724 - Fax: (84.8) 3822 3390

2. Công ty CP du lịch Bến Thành Non Nước

(Sandy Beach)

• 255 Huyền Trân Công Chúa, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
ĐT: (84.511) 383 6216 - Fax: (84.511) 383 6335

3. Công ty CP Bến Thành Long Hải (Tropicana)

• Tỉnh lộ 44A, Xã Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa, TP. Vũng Tàu
ĐT: (84.64) 67 9999 - Fax: (84.64) 67 8888

4. Công ty CP Đầu tư kinh doanh điện lực

Tp.HCM

• 29 Đường số 41, P.6, Q.4, TP. HCM
ĐT: (84.8) 2211 7898 - Fax: (84.8) 3826 4051



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84.8) 3821 3913

Fax: (84.8) 3821 3553 - (84.8) 3821 5992

Email: savico@savico.com.vn

www.savico.com.vn